



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2 0 1 9

CÂU CHUYỆN VỀ PV POWER

“Phát huy tối đa nội lực, tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển PV Power thành thương hiệu có uy tín trong nước và trong khu vực.”



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

- 12 Thông tin khái quát
- 14 Quá trình hình thành và phát triển
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý
- 26 Giới thiệu Ban lãnh đạo
- 36 Vị thế
- 38 Phân tích Swot
- 40 Phân loại rủi ro
- 44 Định hướng phát triển

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về mọi mặt của Tổng Công ty 86
- Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị 89
- 96 Hội đồng quản trị
- 98 Ban kiểm soát
- 100 Giao dịch và thù lao
- 102 Tăng cường quản trị Công ty

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM 2019

- Sự kiện 2019 52
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 54
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án 58
- Hợp tác quốc tế 62
- Tình hình tài chính 64
- Tổ chức nhân sự 66
- Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu 70
- 72 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 76 Tình hình tài chính
- 78 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 80 Kế hoạch phát triển trong tương lai

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Chỉ tiêu phát triển bền vững 106
- Chính sách liên quan đến người lao động 107
- Chính sách liên quan đến trách nhiệm với môi trường 108
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương 111
- 120 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 122 Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
- 123 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 125 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng

Năm 2019 là một năm trọn vẹn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power) hoạt động theo chuẩn mực công ty cổ phần niêm yết. Một sự thay đổi lớn về mô hình quản lý cộng với rất nhiều khó khăn, bất thường về nguồn nhiên liệu, về thời tiết... Song, với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể cán bộ, người lao động, PV Power đã đạt được nhiều thành tích ấn tượng. Các kết quả sau một năm hoạt động đã tạo nên bức tranh tươi màu và đa sắc, có thể nêu ra một số thành tựu chính:

1. Vận hành an toàn và ổn định 08 nhà máy điện; hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019 đã đặt ra.
2. Chuyển sàh giao dịch cổ phiếu POW sang sàh giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) và PV Power lọt Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2019 do Tạp chí Forbes bình chọn;
3. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư các dự án điện mới, nghiên cứu mở rộng nguồn nhiên liệu mới, các loại hình năng lượng sạch như điện mặt trời (mái nhà, lòng hồ), điện sử dụng khí LNG... ngoài các loại hình truyền thống là nhiệt điện than, nhiệt điện khí, thủy điện.

Kết quả đạt được là sự khích lệ, là nguồn động viên, cổ vũ để PV Power vững tâm hơn, tự tin hơn, sẵn sàng vượt qua các thách thức để thực hiện thành công các chỉ tiêu được giao năm 2020 và chiến lược phát triển của PV Power trong giai đoạn tới.

Để trở thành một Tổng Công ty mạnh, hiệu quả và bền vững, trên cơ sở nguồn lực còn hạn hẹp, đòi hỏi PV Power phải chắt chiu từng đồng vốn, cân nhắc từng cơ hội, mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tân tiến để bám sát và thực hiện thành công chiến lược đề ra. PV Power đã và đang kiên định đầu

tư vào hai loại hình chính đó là điện khí và năng lượng tái tạo. Đến thời điểm này có thể vui mừng thông báo: PV Power là đơn vị duy nhất tại Việt Nam đã hoàn thành lập dự án để chuẩn bị đầu tư xây dựng 04 nhà máy điện khí, LNG đó là: NMD Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch 4, Miền Trung 1 và Miền Trung 2.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự chia sẻ, ủng hộ của cổ đông; sự đồng lòng, quyết tâm của toàn thể đội ngũ cán bộ người lao động, PV Power sớm trở thành nhà sản xuất năng lượng sạch, an toàn và hiệu quả hàng đầu trong nước và khu vực, tạo dựng một tương lai tươi sáng.

PV POWER - SINH NĂNG LƯỢNG, DƯỠNG TƯƠNG LAI

Xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỒ CÔNG KỲ

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ NHƯ LINH



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

**Thông tin về mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

Giới thiệu Ban lãnh đạo

Vị thế

Phân tích Swot

Phân loại rủi ro

Định hướng phát triển

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên tiếng Anh:

PETROVIETNAM POWER CORPORATION

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

0102276173 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/12/2018

Vốn điều lệ:

23.418.716.000.000 VNĐ

Địa chỉ:

Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: **(024) 22210 288**

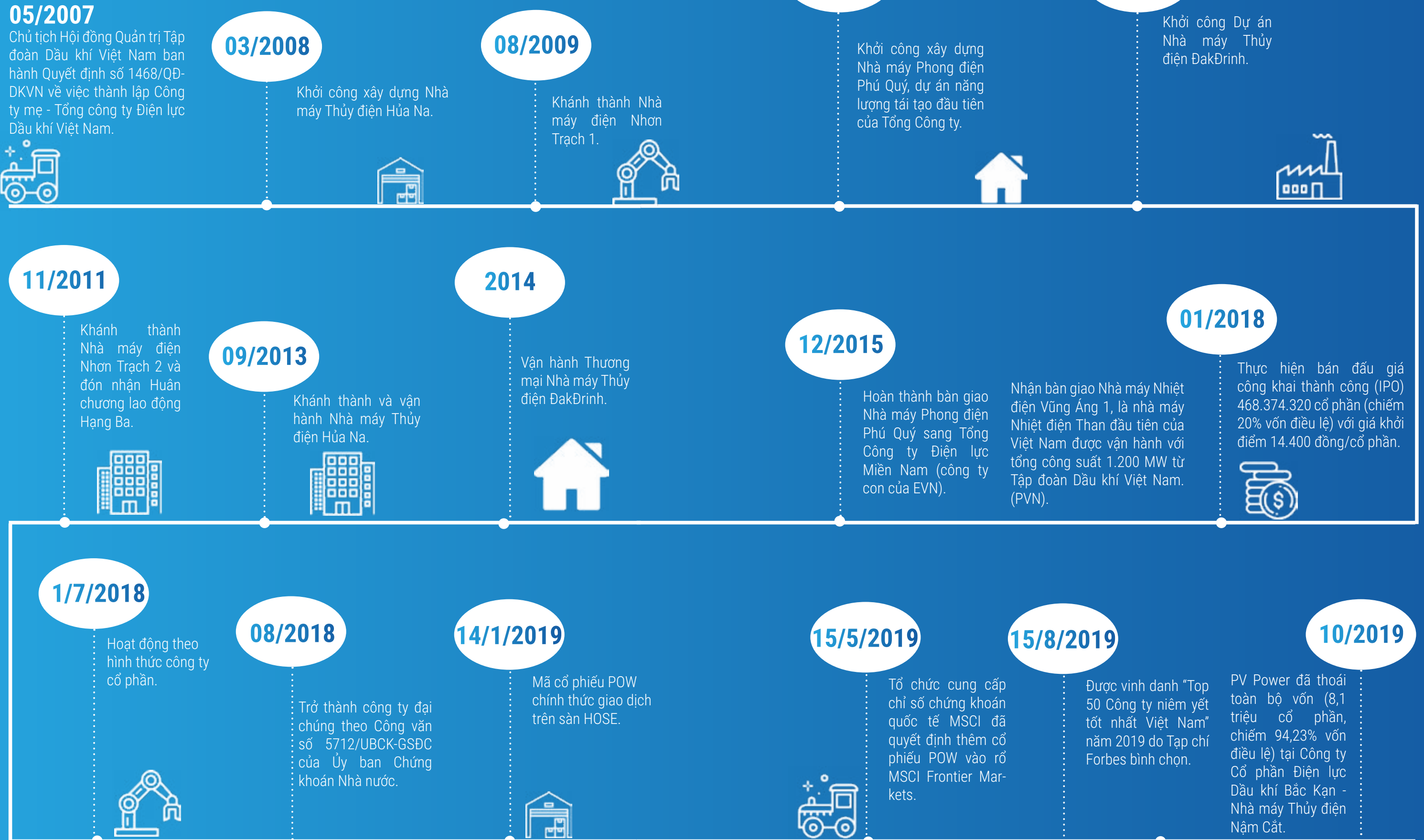
Số fax: **(024) 22210 388**

Website: **www.pvpower.vn**

Mã chứng khoán: **POW**



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện;
- Xuất nhập khẩu năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện;
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;
- Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP);
- Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện;
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện;
- Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch;
- Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng;
- Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử;
- Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện;
- Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng;
- Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình;
- Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu.

CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN CỦA PV POWER

Nhà máy điện	Nơi đặt nhà máy	Loại hình
Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2	Cà Mau	Điện khí
Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	Đồng Nai	Điện khí
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	Đồng Nai	Điện khí
Nhà máy điện Vũng Áng 1	Hà Tĩnh	Điện than
Nhà máy thủy điện ĐakĐrinh	Quảng Ngãi	Thủy điện
Nhà máy thủy điện Hủa Na	Nghệ An	Thủy điện
Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt	Bắc Kạn	Thủy điện

Ngày 15/10/2019, PV Power đã thoái toàn bộ vốn (8,1 triệu cổ phần, chiếm 94,23% vốn điều lệ) tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn - Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt.



THÔNG TIN CHUNG

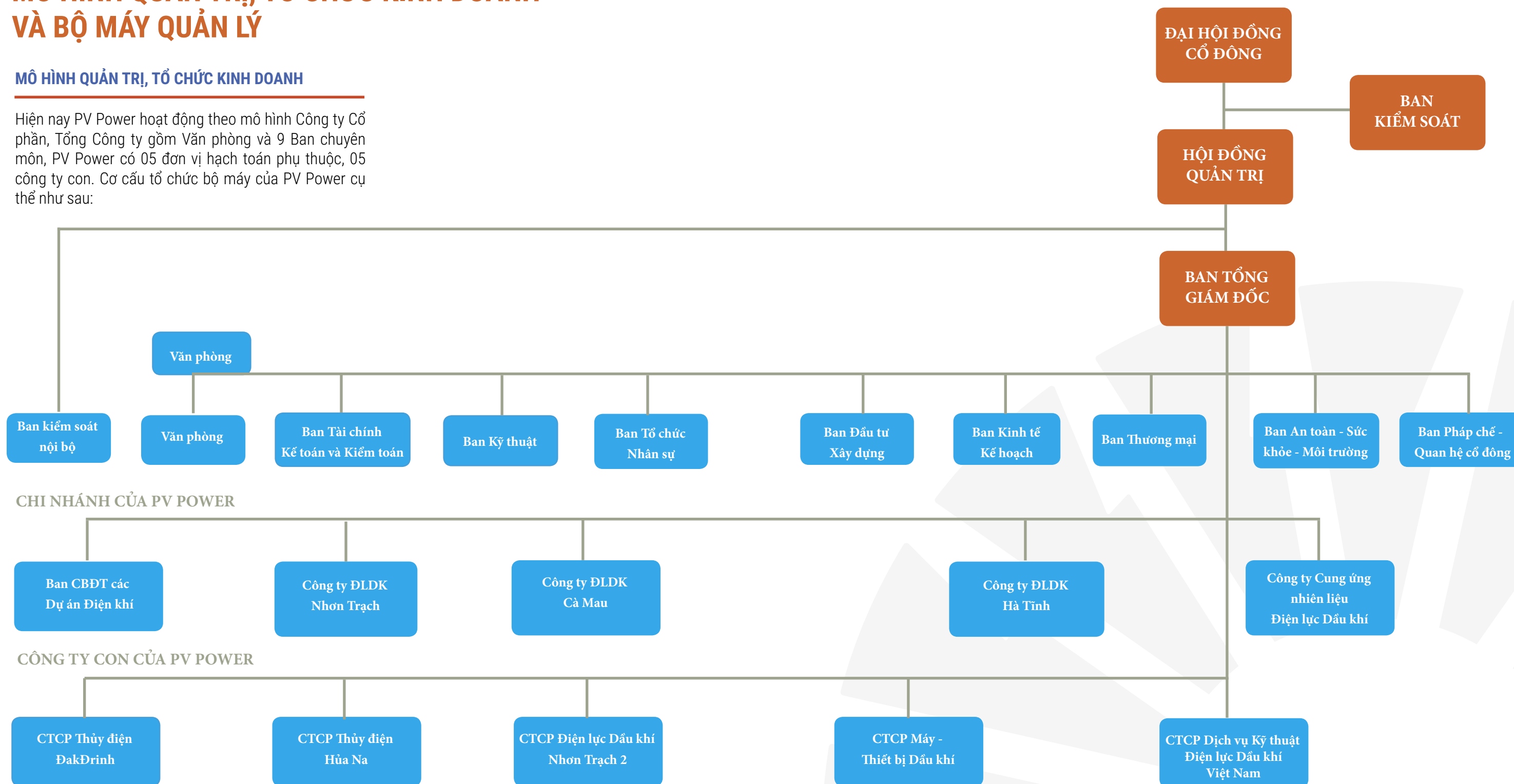
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH

Hiện nay PV Power hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, Tổng Công ty gồm Văn phòng và 9 Ban chuyên môn, PV Power có 05 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 05 công ty con. Cơ cấu tổ chức bộ máy của PV Power cụ thể như sau:



Ngày 15/10/2019, PV Power đã thoái toàn bộ vốn (8,1 triệu cổ phần, chiếm 94,23% vốn điều lệ) tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn - Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt.

THÔNG TIN CHUNG

CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Xóm Hải Phong, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
 Mã số chi nhánh: 0102276173-007.
 Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
 Công suất: 1.200 MW (2x600 MW).
 Tổng mức đầu tư: 33.651 tỷ đồng.
 Năm đi vào vận hành thương mại: 2015.


CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
 Mã số chi nhánh: 0102276173-003.
 Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
 Công suất: 450 MW.
 Tổng mức đầu tư: 6.344 tỷ đồng.
 Năm đi vào vận hành thương mại: 2009.


CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
 Mã số chi nhánh: 0102276173-002.
 Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
 Công suất: 1.500 MW (2x750 MW).
 Tổng mức đầu tư NMD Cà Mau 1: 6.571 tỷ đồng.
 Tổng mức đầu tư NMD Cà Mau 2: 6.153 tỷ đồng.
 Năm đi vào vận hành thương mại: 2007/2008.


CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà HL Tower, Lô A2B Đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
 Mã số chi nhánh: 0102276173-006.
 Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.


BAN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐIỆN KHÍ

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 Đường Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
 Mã số chi nhánh: 0102276173-008.
 Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý dự án.



THÔNG TIN CHUNG

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Địa chỉ: Số 8 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
 Mã số doanh nghiệp: 0101394512.
 Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại Nhà nước cấm).
 Vốn điều lệ: 386.386.000.000 đồng.
 Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51,58%.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐÀKĐRINH

Địa chỉ: Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi.
 Mã số doanh nghiệp: 4300350203.
 Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
 Vốn điều lệ: 1.160.010.555.608 đồng.
 Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 95,27%.
 Công suất: 125 MW.
 Tổng mức đầu tư: 5.921 tỷ đồng.
 Năm đi vào vận hành thương mại: 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
 Mã số doanh nghiệp: 2900797430.
 Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
 Vốn điều lệ: 2.256.592.100.000 đồng.
 Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 84,14%.
 Công suất: 180MW.
 Tổng mức đầu tư: 7.092 tỷ đồng.
 Năm đi vào vận hành thương mại: 2013.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 Mã số doanh nghiệp: 0102560459.
 Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống điện, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
 Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.
 Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
 Mã số doanh nghiệp: 3600897316.
 Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
 Vốn điều lệ: 2.878.760.290.000 đồng.
 Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 59,37%
 Công suất: 750 MW.
 Tổng mức đầu tư: 11.355 tỷ đồng
 Năm đi vào vận hành thương mại: 2011.



THÔNG TIN CHUNG

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ GÓP VỐN ĐẦU TƯ KHÁC

Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PV Power
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến					
• Nhà máy thủy điện Nậm Chiến • Tổng mức đầu tư: 7.318,309 tỷ đồng; • Công suất: 200 MW • Điện lượng: 813,71 triệu kWh/năm	Sản xuất kinh doanh điện năng	Sơn La	951.250	292.250	30,72%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng					
• Tổng mức đầu tư: 245,13 tỷ đồng; • Công suất: 8,4MW • Điện lượng: 35,81 triệu kWh/năm • Vận hành thương mại: 2011	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	Yên Bái	74.625,72	32.887,5	44,07%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty cổ phần phát triển đô thị Dầu khí	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, các khu nhà ở ...	Cần Thơ	280.000	18.202	6,5%
Công ty cổ phần EVN Quốc Tế	Sản xuất kinh doanh điện năng	Đà Nẵng	336.771	28.800	7,85%
Công ty Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	Sản xuất kinh doanh điện năng	Hà Nội	35	350	1%
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà-Sông Đà	Sản xuất kinh doanh điện năng	Quảng Ngãi	250	1.228,8	0,48%
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3					
• Tổng mức đầu tư: 2.097 Tỷ đồng; • Công suất: 62 MW • Điện lượng: 230,71 triệu kWh/năm • Vận hành thương mại: 2018	Sản xuất kinh doanh điện năng	Quảng Nam	551.866	29.341,8	5,32%
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào					
• Cụm dự án thủy điện Xekaman 1 (290 MW, phát điện năm 2016) & Xekaman Xan Xay (32 MW, phát điện năm 2018); Tổng mức đầu tư lần 2: 487,17 triệu USD; Sản lượng trung bình: 1.206 triệu kWh/năm. • Công ty dự án khách sạn và văn phòng cho thuê tại Vientiane Plaza; Tổng mức đầu tư: 8,359 triệu USD; Khánh thành (tháng/2011): • Chuẩn bị thực hiện đầu tư Dự án thủy điện Xekaman 4 (70 MW); Tổng mức đầu tư: 165,92 triệu USD; Sản lượng điện hàng năm: 287,4 triệu kWh/năm. • Dự án chưa được xây dựng: Dự án thủy điện Xekaman 3 (150 MW); Tổng mức đầu tư lần 3: 449,38 triệu USD; Sản lượng điện trung bình: 989,97 triệu kWh/năm; Vận hành thương mại từ năm 2013	Sản xuất kinh doanh điện năng	Hà Nội	3.126.530	308.052	9,85%
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (PVC E&C)	Cơ điện lạnh	Hà Nội	10.000	1.800	18%



THÔNG TIN CHUNG GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO



Ông HỒ CÔNG KỲ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 02/1986 - 12/1992: Nhân viên, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế toán tài vụ - Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An;
- 01/1993 - 02/1994: Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh Nghệ An;
- 03/1994 - 08/1994: Cán bộ Bảo hiểm xã hội - Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An;
- 09/1994 - 11/2000: Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án, Phó giám đốc - Công ty Xi măng Nghệ An;
- 12/2000 - 05/2006: Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án - Khu Liên hợp Thể thao Quốc gia Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội;
- 06/2006 - 02/2007: Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính - Ủy ban Thể dục Thể thao;
- 03/2007 - 08/2007: Phó Tổng Giám đốc Ban Quản lý các Dự án Thủy điện - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2007 - 09/2007: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;
- 09/2007 - 01/2008: Tổng Giám đốc Ban Quản lý các Dự án Thủy điện;
- 02/2008 - 07/2008: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí;
- 08/2008 - 02/2009: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 03/2009 - 11/2010: Trưởng ban Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú-Sông Hậu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 11/2010 - 05/2013: Chánh Văn phòng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2013 - 12/2014: Chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 01/2015 - 06/2018: Chủ tịch HĐQT, CT TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0023% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 29,94% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông LÊ NHƯ LINH - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc



Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế;

Quá trình công tác:

- 10/1990 - 02/1994: Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất;
- 03/1994 - 07/2009: Chuyên viên, Phó trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2009 - 03/2010: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí;
- 04/2010 - 12/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- 12/2013 - 12/2018: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP;
- 12/2018 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 20% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông
NGUYỄN HỮU QUÝ
Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại thương, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ thương mại quốc tế.

Quá trình công tác:

- 03/1985 - 05/1995: Cán bộ Phòng Giá cả & Ngoại hối, Cán bộ Phòng Kế toán tài vụ, Phó trưởng phòng Thị trường Công ty XNK Khoáng sản (Bộ Thương mại);
- 05/1995 - 08/2008: Cán bộ Phòng Thương mại, Phó trưởng phòng Thị trường thuộc Ban Thương mại, Thành viên Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
- 05/2007 - 08/2008: Kiểm soát viên (kiêm nhiệm) Tổng công ty Thăm dò - Khai thác dầu khí;
- 08/2008 - 02/2009: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc, Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ Dầu khí;
- 02/2009 - 06/2018: Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0023% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 10% cổ phần có quyền biểu quyết.



Bà
VŨ THỊ TỔNG NGÀ
Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 08/1993 - 10/2007: Chuyên viên - Phòng Thương mại - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
- 11/2007 - 06/2008: Phó phòng/Trưởng phòng - Phòng Dự báo Thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2008 - 05/2009: Phó ban - Ban Phát triển thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 06/2009 - 09/2010: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 11/2010 - 04/2019: Trưởng ban, Ban Thương mại Thị trường/ Thương mại Dịch vụ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 04/2019 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 10% cổ phần có quyền biểu quyết.



Bà
NGUYỄN HOÀNG YẾN
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa học, Tiến sĩ Hóa hữu cơ.

Quá trình công tác:

- 11/1991 - 07/1997: Nghiên cứu sinh, Trợ giảng môn chuyên ngành - Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội;
- 08/1997 - 08/2001: Phó phòng Quảng cáo Marketing - Báo đầu tư Vietnam Investment Review - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- 09/2001 - 03/2005: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Ban Chuẩn bị đầu tư công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
- 04/2005 - 04/2008: Chuyên viên chính, Phó phòng Ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2008 - 07/2010: Phó Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2010 - 01/2014: Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 02/2014 - 05/2018: Trưởng ban, Ban Khoa học Công nghệ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018 - 04/2019: Chuyên viên cao cấp - Văn phòng Hội đồng Thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 04/2019 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông
PHẠM XUÂN TRƯỜNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ Kỹ thuật điện.

Quá trình công tác:

- 06/1985 - 09/1985: Học viên Sỹ quan dự bị Bộ tư lệnh Phòng không;
- 12/1985 - 12/1987: Cán bộ Kỹ thuật Chi nhánh điện Kinh Môn - Sở Điện lực Hải Hưng;
- 01/1988 - 03/1997: Trưởng ca Điều độ, Phó phòng, Phụ trách Phòng Điều độ - Thông tin, Trưởng Trung tâm điều độ - Thông tin, Sở Điện lực Hải Hưng;
- 04/1997 - 10/2004: Trưởng phòng kỹ thuật - An toàn, Phó Giám đốc - Sở Điện lực Hưng Yên;
- 11/2004 - 03/2008: Giám đốc - Sở Công nghiệp Hưng Yên;
- 04/2008 - 06/2018: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0010% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 10% cổ phần có quyền biểu quyết.

THÔNG TIN CHUNG



Ông LÊ NHƯ LINH
Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế;

Quá trình công tác:

- 10/1990 - 02/1994: Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất;
- 03/1994 - 07/2009: Chuyên viên, Phó trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2009 - 03/2010: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí;
- 04/2010 - 12/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- 12/2013 - 12/2018: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP;
- 12/2018 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 20% cổ phần có quyền biểu quyết.



Bà NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị; Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 1994 - 2000: Chuyên viên Ban quản lý dự án thị xã Hà Đông;
- 2000 - 07/2007: Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư Công ty Tài chính Dầu khí;
- 07/2007 - 09/2008: Thành viên Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư;
- 09/2008 - 05/2009: Phó chủ tịch Công đoàn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2009 - 06/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0018% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông NGUYỄN DUY GIANG
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tổng hợp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 09/1996 - 03/2001: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
- 03/2001 - 10/2007: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó trưởng phòng Kinh doanh Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
- 10/2007 - 03/2009: Trưởng phòng, Phó phòng Kinh tế Kế hoạch Ban Quản lý các dự án Thủy điện, thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 03/2009 - 10/2009: Phó Tổng giám đốc Công ty tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty ĐLDK Việt Nam;
- 10/2009 - 07/2014: Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch Tổng công ty ĐLDK Việt Nam;
- 07/2014 - 01/2015: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty ĐLDK Việt Nam;
- 01/2015 - 11/2015: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty ĐLDK Việt Nam kiêm Phó Trưởng Ban QLDA Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- 11/2015 - 07/2018: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 07/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0009% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông NGUYỄN MẠNH TƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Thạc sĩ Kỹ thuật;

Quá trình công tác:

- 06/1998 - 10/2000: Kỹ sư Cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý Dự án khí, Tổng công ty Khí Việt Nam;
- 11/2000 - 09/2001: Kỹ sư Cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban CBĐT Công trình Khí Điện Đạm Cà Mau, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 09/2001 - 10/2007: Trưởng nhóm Cơ khí Phòng kỹ thuật khí, Phó trưởng phòng, Phó trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng dự án khí Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

- 10/2007 - 03/2009: Phó Giám đốc Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ, Tổng công ty Khí Việt Nam;
- 03/2009 - 05/2010: Phó Trưởng Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam;
- 05/2010 - 04/2012: Phó Giám đốc Công ty Điều hành Đường ống Lở B - Ô Môn;
- 10/2012 - 05/2017: Quyền Trưởng ban, Trưởng ban Xây dựng, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam;

- 06/2017 - 06/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0021% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

THÔNG TIN CHUNG



Ông
PHAN ĐẠI THÀNH
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Quá trình công tác:

- 06/1993 - 10/1994: Chuyên viên Công ty Công nghệ mới - Viện khoa học Việt Nam;
- 10/1994 - 12/1996: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật, Công ty liên doanh Thép Việt - Úc Hải Phòng;
- 01/1997 - 06/2003: Phó trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phó trưởng Phòng Kế hoạch thống kê - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng;
- 07/2003 - 02/2005: Giám đốc Công ty Xây lắp và Dịch vụ Kỹ thuật - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng;
- 03/2005 - 10/2007: Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Điện nước số 3;
- 11/2007 - 10/2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 10/2015 - 05/2018: Trưởng ban Kỹ thuật Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0003% cổ phần có quyền biểu quyết.
Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông
NGUYỄN MINH ĐẠO
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế, Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí; Tiến sĩ Đường ống - Bể chứa

Quá trình công tác:

- 09/2000 - 06/2003: Kỹ sư Ban Quản lý nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- 07/2003 - 12/2003: Kỹ sư Phòng Công nghệ Mỏ, Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí;
- 01/2004 - 02/2008: Chuyên viên, Phó trưởng ban Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 03/2008 - 07/2009: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí;
- 07/2009 - 02/2018: Trưởng ban Ban Đầu tư Phát triển, Trưởng ban Khí, Trưởng ban Xây dựng, Cán bộ Văn phòng HĐQT - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 7/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.
Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông
PHAN NGỌC HIỀN
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đồ họa, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Ths. Tài chính và Kiểm soát;

Quá trình công tác:

- 06/1999 - 06/2007: Kỹ thuật viên, Trưởng phòng Chế bản Báo Lao động;
- 06/2007 - 01/2008: Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng phòng Hành chính, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 01/2008 - 09/2015: Chánh Văn phòng, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 09/2015 - 08/2019: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 08/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.
Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông
NGUYỄN KIÊN
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Ths. Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 07/2002 - 08/2007: Chuyên viên, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
- 08/2007 - 05/2009: Phó chánh Văn phòng, Trợ lý TGD, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
- 05/2009 - 12/2014: Phó Trưởng ban, Ban Luật, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
- 12/2014 - 03/2016: Trưởng ban, Ban TCNS&ĐT, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
- 03/2016 - 08/2017: Trưởng phòng, Thư ký Tổng Giám đốc, Chuyên viên, Phòng Pháp lý hợp đồng và DA Dầu khí, Ban Pháp chế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2017 - 09/2019: Phó Chánh văn phòng, Trợ lý Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 09/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.
Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Ông
CHU QUANG TOÀN
Phó Trưởng Ban, Phụ trách TCKT&KT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kế toán.

Quá trình công tác:

- 09/1991 - 08/1997: Cục thuế tỉnh Nghệ An.
- 08/1997-10/2002: Phó phòng quản lý thuế - Doanh nghiệp Sản xuất tỉnh Nghệ An;
- 10/2002-04/2003: Phụ trách phòng Xử lý thông tin và Tin học - Cục thuế Nghệ An;
- 10/2003-07/2007: Trưởng phòng Tin học và Xử lý dữ liệu - Cục thuế Nghệ An;
- 07/2007-11/2009: Trưởng phòng thuế thu nhập cá nhân - Cục thuế Nghệ An;
- 12/2009-10/2010: Kế toán trưởng - Công ty Cao su Nghệ An - Tập đoàn Cao su Việt Nam;
- 11/2010-06/2015: Trưởng phòng Kế toán - Ban QLDA Đồng Hới - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam;
- 06/2015-06/2017: Trưởng phòng Kế toán - Ban QLDA VICEM - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ;
- 06/2017-08/2018: Kiểm soát viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam;
- 08/2018-04/2019: Phó trưởng Ban - Ban Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 04/2019 - nay: Phó trưởng Ban Phụ trách Ban Tài chính, Kế toán và Kiểm toán, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

THÔNG TIN CHUNG

BAN KIỂM SOÁT



Ông
VŨ QUỐC HẢI
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 10/1987 - 09/1992: Giáo viên bộ môn Kế toán tại Trường Đại học Thương mại;
- 02/1994 - 05/2002: Chuyên viên, Phó phòng Tài chính Kế toán tại Công ty Chế biến và kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ PetroVietnam, nay là Tổng công ty Dầu PV Oil - CTCP;
- 5/2002 - 12/2007: Chuyên viên (Phó trưởng ban Ban kiểm toán nội bộ từ tháng 2/2007) tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 01/2008 - 08/2010: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Kiểm soát viên phụ trách tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 08/2010 - 06/2018: Kiểm soát viên chính tại Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- 06/2018 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00012% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Bà
LÝ THỊ THU HƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 03/2001 - 05/2005: Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán tại Công ty Tài chính Dầu khí;
- 06/2005 - 09/2006: Phó phòng Kế toán tại Công ty Tài chính Dầu khí;
- 10/2006 - 03/2008: Kế toán trưởng tại Tổng công ty Tài chính Dầu khí;
- 04/2008 - 05/2009: Trưởng Ban Kiểm soát tại Tổng công ty Tài chính Dầu khí;
- 06/2015 - 06/2018: Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018-nay: Kiểm soát viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00024% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Bà
VŨ THỊ NGỌC DUNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng.

Quá trình công tác:

- 12/1993 - 10/2000: Cán bộ Lao động tiền lương tại Công ty VPP Cửu Long 1;
- 11/2000 - 12/2004: Chuyên viên kế toán tại Công ty Tài chính Dầu khí;
- 01/2005 - 04/2007: Phó phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ Công ty Tài chính Dầu khí;
- 04/2007 - 11/2009: Trưởng phòng/Giám đốc Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ Công ty Tài chính Dầu khí/ Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí;
- 12/2009 - 09/2013: Giám đốc ban/Trưởng ban Kế hoạch Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí;
- 10/2013 - 04/2015: Trưởng Ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán tại Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam;
- 04/2015 - 06/2018: Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay: Kiểm soát viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00108% cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Bà
HÀ THỊ MINH NGUYỆT
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kế toán.

Quá trình công tác:

- 05/1992 - 12/2007: Kế toán viên, Phó phòng giao dịch 1, Phó phụ trách kế toán Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN
- 01/2008 - 10/2008: Kế toán trưởng Ban trụ bị thành lập ngân hàng Dầu khí
- 10/2008 - 09/2010: Trưởng ban Tài chính Công đoàn Dầu khí VN
- 09/2010 - 25/6/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- 26/6/2018 - 18/4/2019: Kế toán trưởng Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.
- 19/4/2019 đến nay: Kiểm soát viên Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00003% cổ phần có quyền biểu quyết

Đại diện sở hữu: 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

VỊ THẾ

“PV Power là một trong những đơn vị sản xuất điện hàng đầu tại Việt Nam. Với công suất lắp đặt chiếm gần 8% trong tổng công suất nguồn của hệ thống, sản lượng điện thực tế của POW trong năm 2019 đạt tới 22,54 tỷ kWh, tương ứng với gần 11% tổng sản lượng điện thương phẩm của cả nước.”



THÔNG TIN CHUNG

PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH

- PV Power là Công ty cổ phần có ưu thế về Nhiệt điện Khí, hiện đang sở hữu các Nhà máy điện có công nghệ hiện đại, hiệu suất cao.
- PV Power là đơn vị có hiệu quả sử dụng vốn đứng đầu trong ngành điện. Một số Nhà máy điện của PV Power đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay vốn cố định (Nhà máy điện Cà Mau 1&2 trả hết nợ vay dài hạn trong năm 2019, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 đã trả hết nợ vay dài hạn trong quý I/2016, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sẽ trả hết nợ vay dài hạn trong năm 2021).
- PV Power đã đào tạo, xây dựng được một bộ máy có kinh nghiệm về quản lý và điều hành, vận hành các Nhà máy điện có quy mô lớn, công nghệ cao,.....đặc biệt quản lý đầu tư xây dựng các Nhà máy điện có quy mô lớn và công nghệ hiện đại trong khu vực và trên thế giới,...

CƠ HỘI

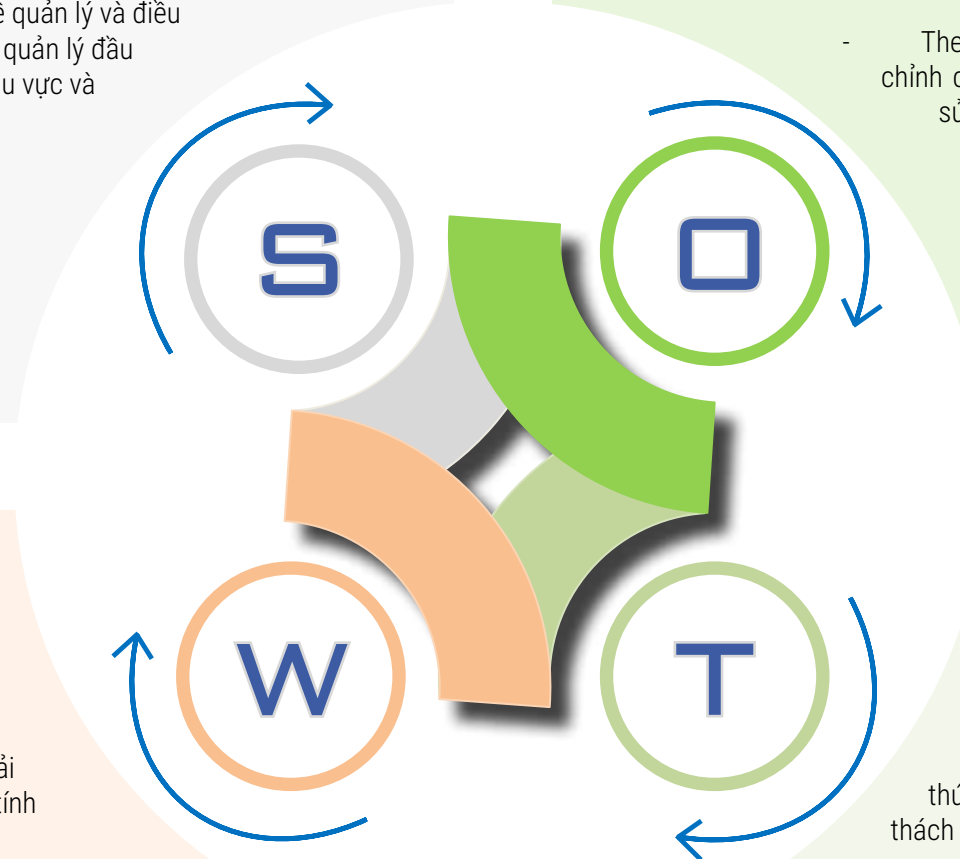
- Yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, dẫn đến nhu cầu về năng lượng trong nước tăng cao, đồng nghĩa với nhu cầu phát triển nguồn điện nhằm đảm bảo an ninh năng lượng.
- Định hướng phát triển năng lượng quốc gia trong thời gian tới đã được Đảng và nhà nước đề ra, có nêu rõ : "...Phát triển nhiệt điện khí theo hướng ưu tiên sử dụng khí trong nước. Chú trọng phát triển nhanh nhiệt điện khí sử dụng LNG, đưa điện khí dần trở thành nguồn cung cấp điện năng quan trọng, hỗ trợ cho điều tiết hệ thống....". Định hướng này sẽ mở ra thêm nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư, đặc biệt đối với PV Power – hiện là đơn vị đầu tiên đang tiên phong trong việc đầu tư nhiệt điện khí sử dụng LNG (Nhơn Trạch 3&4).
- Theo xu hướng khuyến khích phát triển năng lượng sạch,... nhà nước đang dần điều chỉnh các cơ chế phát triển NLTT (như cơ chế giá cố định – FIT, ưu đãi thuế, ưu đãi sử dụng mặt bằng,...) tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tham gia, trong đó có PV Power.
- Giai đoạn thị trường bán lẻ điện cạnh tranh (từ năm 2021), A0/truyền tải tách ra khỏi EVN sẽ tạo điều kiện cho thị trường minh bạch hơn, đây là cơ hội cho các đơn vị tham gia thị trường.
- Việc cổ phần hóa các doanh nghiệp, đa dạng hóa chủ sở hữu ngành điện tạo cơ hội cho việc thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia góp vốn đầu tư xây dựng các Nhà máy điện.

ĐIỂM YẾU

- Nguồn nhiên liệu đầu vào trong nước ngày càng hạn chế: Nguồn khí Đông Nam Bộ ngày càng suy giảm; nguồn khí Tây Nam Bộ không đủ, giá khí bổ sung từ Petronas cao ảnh hưởng đến vận hành của Nhà máy điện Cà Mau 1&2; nguồn than trong nước thiếu hụt nên phải sử dụng than trộn, than nhập khẩu ảnh hưởng đến vận hành của Nhà máy điện Vũng Áng 1. Với nguồn khí thiên nhiên trong nước đang ngày càng suy giảm, đòi hỏi phải sử dụng nguồn khí và LNG nhập khẩu giá cao để bù đắp nên ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của PV Power khi tham gia thị trường điện.
- Ngành điện lực là ngành đòi hỏi kỹ thuật cao, có đặc thù là vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài đòi hỏi phải quản trị tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.
- Khó khăn trong việc thu xếp vốn cho các dự án nguồn điện. Bảo lãnh vay vốn nước ngoài của Chính phủ cho đầu tư các công trình điện đang được hạn chế theo chủ trương chung là tự vay - tự trả.

THÁCH THỨC

- PV Power là đơn vị đi đầu trong việc tham gia đầu tư vào lĩnh vực điện khí LNG nên gặp nhiều thách thức trong công tác triển khai dự án, đàm phán hợp đồng mua bán điện đối với Nhà máy điện sử dụng LNG,...
- Về cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển: Chính phủ/Bộ Tài chính không thực hiện bảo lãnh cho các dự án đầu tư mới, PVN/Power phải tự lựa chọn hình thức bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng một cách phù hợp. Đây là một trong những thách thức đối với PV Power trong công tác thu xếp vốn.
- Công tác đàm phán hợp đồng mua bán điện với EVN thường kéo dài.
- Thị trường điện ngày càng cạnh tranh khốc liệt, đòi hỏi tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tính cạnh tranh.
- Trữ lượng than trong nước và trên thế giới đang ngày càng cạn kiệt, tiêu hao ngày càng tăng dẫn đến việc tìm kiếm, cung cấp đủ lượng than trong nước/nhập khẩu cho các Nhà máy điện than ngày càng khó khăn. Bên cạnh đó, đối với công tác cung ứng than nhập khẩu sẽ gặp nhiều khó khăn về công tác vận chuyển, cơ sở hạ tầng tiếp nhận, phân phối than.



THÔNG TIN CHUNG

PHÂN LOẠI RỦI RO



Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power bị tác động lớn của kinh tế thế giới, phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, quy hoạch và định hướng phát triển năng lượng quốc gia và các cơ chế chính sách của nhà nước, các yếu tố nguyên nhiên vật liệu. Ngoài ra, vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài, đòi hỏi quản trị tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động và phát triển của PV Power, các rủi ro luôn tiềm ẩn trong các chiến lược kinh doanh, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong các hoạt động tài chính và quản lý tính tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Luôn ý thức và hiểu rõ tầm quan trọng của quản lý rủi ro, PV Power đã xây dựng và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro, trong đó quy định cụ thể công tác kiểm soát và báo cáo các rủi ro từ Ban lãnh đạo đến người lao động. Bên cạnh đó, PV Power quản lý và giám sát các mối nguy có thể tác động đến năng lực đáp ứng nhu cầu năng lượng của quốc gia trong khi vẫn tạo ra các giá trị bền vững lâu dài doanh nghiệp. Hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức, các quá trình, tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử của PV Power đã tạo nên một hệ thống kiểm soát nội bộ điều chỉnh phương thức hoạt động và kinh doanh nói chung và quản lý các rủi ro liên quan nói riêng. Trong giai đoạn hiện nay, các rủi ro chính của PV Power chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau:


RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, trữ lượng, giá dầu, tỷ giá... đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo PV Power trong việc đưa ra chiến lược phát triển dài hạn.


RỦI RO TÀI CHÍNH

Hiện nay, PV Power có mô hình hoạt động với nhiều công ty con, liên doanh, liên kết. Điều này có thể tạo ra các rủi ro trong hoạt động tài chính, quản trị kế hoạch nguồn vốn và dòng tiền phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD. Về công tác thu hồi công nợ, việc đàm phán các hợp đồng PPA đòi hỏi phải chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro.


RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Hoạt động điện lực luôn phải đối mặt với các rủi ro như: cháy nổ, xâm hại, vi phạm an ninh an toàn điện... dẫn đến việc nguy hại đến tính mạng, tổn thất tài sản, hư hỏng thiết bị, máy móc và theo đó là thảm họa về cháy nổ, ảnh hưởng đến môi trường, xã hội; rủi ro từ điều kiện, tình hình thời tiết, khí hậu, thủy văn,... Ngoài ra nguồn nhiên liệu đầu vào ngày càng hạn chế, dự kiến trong tương lai phải nhập khẩu với giá thành cao sẽ ảnh hưởng tính cạnh tranh của PV Power, cơ chế chính sách, hạ tầng cơ sở trong việc nhập khẩu nhiên liệu,... còn một số vướng mắc. Cụ thể:

THÔNG TIN CHUNG



VỀ NGUỒN NHIÊN LIỆU

- Nguồn than Anthracite hiện có khối lượng hạn chế trên thị trường. Từ năm 2019, nhu cầu than cho sản xuất điện của các nhà máy tăng lên dẫn đến nguồn than sản xuất trong nước không đủ đáp ứng. Từ năm 2020, các nhà máy điện của EVN, PVN/PV Power đều phải sử dụng nguồn than pha trộn giữa than sản xuất trong nước và than nhập khẩu có chất lượng tương đương than cám sản xuất trong nước. Ngày 02/12/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện, theo đó “Chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than chịu trách nhiệm thu xếp nguồn than hợp pháp để cung cấp trong suốt thời gian tồn tại của nhà máy”. Như vậy, nguồn than sử dụng cho nhà máy đã bao gồm cả than trong nước, than nhập khẩu, than pha trộn. Tuy nhiên, trước nhu cầu huy động điện ngày càng cao của Bộ Công Thương và A0, năm 2020, ngoài nguồn than do TKV cấp, PV Power sẽ chủ động thu xếp phần khối lượng còn lại.
- Khu vực Đông Nam Bộ (cấp khí cho các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2): đến năm 2020, nguồn cấp khí từ mỏ Lan Tây và Lan Đỏ thuộc Lô 06.1 và Lô 11.2 đều bị suy giảm, lượng khí suy giảm khoảng hơn 1 tỷ m3/năm, do đó năm 2020 dự kiến là năm các Nhà máy điện khí sẽ phải chạy dầu nhiều. Đến quý IV năm 2020 mới có nguồn khí mới bổ sung từ mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt với sản lượng khí bổ sung là 1,5 tỷ m3/năm với giá mua khí sẽ cao hơn so với mặt bằng giá khí hiện nay và nguồn cấp khí cũng chỉ duy trì được đến năm 2026, dài hạn đến năm 2035 các Nhà máy điện khí khu vực Đông Nam bộ sẽ phải nhập khẩu khí để phục vụ vận hành.
- Khu vực Tây Nam Bộ (cấp khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2):
 - Giai đoạn Nhà máy chưa tham gia thị trường điện: Doanh thu thu được theo quy định của Hợp đồng mua bán điện hiện hữu;
 - Giai đoạn tham gia thị trường điện: Doanh thu thu được theo Hợp đồng mua bán điện chuyển đổi, khi đó do giới hạn đường ống dẫn khí cấp từ các mỏ khí, dẫn đến PV Power gặp khó khăn trong việc chào giá để tham gia thị trường điện cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 (mùa khô nhà máy được huy động cao thì NMĐ không thể vận hành đầy tải các tổ máy) dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của PV Power có thể giảm sút ..



CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

- Hiện nay, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện được điều chỉnh bởi Chỉ thị 29/CT-TTg ngày 02/12/2019 (thay thế cho Chỉ thị số 21/CT-TTg).
- Đối với nhà máy sử dụng than trong nước: Chủ đầu tư nhà máy chịu trách nhiệm thu xếp nguồn than hợp pháp để cung cấp trong suốt thời gian tồn tại của nhà máy, chủ động trong công tác mua than từ TKV, TCT Đông Bắc hoặc từ các doanh nghiệp khác có nguồn gốc than hợp pháp theo quy định, đảm bảo giá than cạnh tranh và hiệu quả.

- Đối với các nhà máy sử dụng than nhập khẩu: Chủ đầu tư nhà máy trực tiếp nhập khẩu hoặc mua than qua đầu mối là TKV, Tổng công ty Đông Bắc hoặc qua doanh nghiệp khác, bảo đảm nguồn than hợp pháp theo quy định, giá than cạnh tranh và hiệu quả. Khó khăn, vướng mắc hiện nay là toàn bộ chi phí vận chuyển than từ cảng trung chuyển khu vực Vũng Áng – Hà Tĩnh bằng đường bộ về kho NMĐ Vũng Áng 1 phát sinh vẫn chưa được EVN thanh toán vào giá điện, do chưa có hướng dẫn của Bộ Công Thương hoặc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.



CƠ SỞ HẠ TẦNG NHẬP KHẨU THAN

Cảng trung chuyển than nhập khẩu cho các Trung tâm nhiệt điện khu vực ĐBSCL tại Duyên Hải - Trà Vinh do TKV phát triển chưa xong giai đoạn nghiên cứu khả thi. Năm 2018, TKV đã được TTCP chấp thuận chủ trương tạm dừng công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi. TTCP giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ GTVT tiếp tục nghiên cứu các phương án đầu tư xây dựng cảng trung chuyển than tại khu vực ĐBSCL, tìm giải pháp tối ưu, báo cáo TTCP. TTCP cũng giao Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các Bộ về việc “Điều chỉnh Quy hoạch cảng biển Sóc Trăng và bến cảng Trần Đề trong quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam”. Theo đánh giá tổng thể, quy hoạch bến cảng Trần Đề thuộc cảng biển Sóc Trăng có thuận lợi hơn cả với kết nối đường thủy nội địa, đường bộ đến Cần Thơ cũng như đến các tỉnh khác của khu vực, phục vụ cho tàu tổng hợp, container đến 100.000 tấn, tàu hàng rời đến 160.000 tấn. Bộ GTVT sẽ phối hợp với địa phương và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch và đề xuất cơ chế, kêu gọi đầu tư bến cảng bằng nguồn vốn xã hội hóa.



RỦI RO TUÂN THỦ

PV Power phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại nhiều địa bàn khác nhau, nhiều lĩnh vực... Do đó, việc tuân thủ pháp luật Việt Nam và quy định của Bộ, Ngành, địa phương là rất quan trọng.



Quyết tâm thực hiện bằng được những mục tiêu đề ra để xây dựng PV Power mạnh mẽ và hiệu quả.

Chúng ta sẽ **không phải đợi 10 năm** nữa mới cán mốc **400 tỷ kWh**



THÔNG DIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC PV POWER LÊ NHƯ LINH

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát huy tối đa nội lực, tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển PV Power thành thương hiệu có uy tín trong nước và trong khu vực.

- Lấy hiện trạng làm nền tảng, tiếp tục khai thác, quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả và ổn định các Nhà máy điện hiện hữu, trong đó "An toàn và Hiệu quả" là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển.

- Phát triển PV Power phù hợp với chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam, phù hợp với định hướng phát triển lĩnh vực công nghiệp điện của Tập đoàn và phù hợp xu thế chung của thế giới; sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường để phát triển bền vững; tập trung phát triển nhiệt điện khí (bao gồm LNG), đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện mặt trời nổi lòng hồ thủy điện,...), phát triển các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, dịch vụ cung ứng nhiên liệu và các dịch vụ khác có liên quan.

- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, thị trường bán buôn điện cạnh tranh và thị trường bán lẻ điện cạnh tranh một cách hiệu quả.

- Phát triển PV Power trên nguyên tắc không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo công khai, minh bạch và hài hòa lợi ích của các cổ đông, của Nhà nước và người lao động.

MỤC TIÊU

XANH VỀ
MÔI TRƯỜNG

CAO VỀ
SỨC CẠNH TRANH

MỤC TIÊU
TỔNG QUÁT

MANH
VỀ TÀI CHÍNH

CHUYÊN NGHIỆP
VỀ QUẢN TRỊ

HIỆU QUẢ
TRONG
SẢN XUẤT
KINH DOANH



THÔNG TIN CHUNG



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CỤ THỂ

1

Giữ vững vị thế số một trong lĩnh vực Điện khí và là một trong những nhà cung cấp điện năng lớn nhất trong toàn hệ thống; chủ động, tích cực tham gia đầu tư phát triển các dự án sử dụng năng lượng tái tạo nhằm đảm bảo sự cân bằng các loại hình nguồn điện.

2

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và gia công chế tạo, phục hồi vật tư, thiết bị; dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các Nhà máy điện,... để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

GIẢI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025



- Giai đoạn đến năm 2025: Tổng công suất đặt là 6.910 MW, chiếm 7% công suất lắp đặt toàn hệ thống, sản lượng điện bình quân năm là 25 tỷ kWh, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện bình quân đạt 9%/năm.

GIẢI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2035



- Giai đoạn đến năm 2035: Tổng công suất đặt của PV Power là 9.960 MW, chiếm khoảng 6% công suất lắp đặt toàn hệ thống, sản lượng điện bình quân năm là 50 tỷ kWh, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện bình quân đạt 5%/năm.

THÔNG TIN CHUNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI

LĨNH VỰC SẢN XUẤT ĐIỆN

1

Đến năm 2025, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 6.910 MW, chiếm 7% công suất lắp đặt toàn hệ thống. Giai đoạn đến năm 2035, tổng công suất đặt là 9.960 MW, chiếm khoảng 6% công suất lắp đặt toàn hệ thống.

Cơ cấu công suất điện mục tiêu và các dự án điện của PV Power đến 2025 và định hướng đến 2035 theo loại hình cụ thể:

Loại nhà máy	Năm 2025		Năm 2035	
	MW	Tỷ trọng	MW	Tỷ trọng
Nhiệt điện khí	5.350	77%	7.600	76%
Nhiệt điện than	1.200	17%	1.200	12%
Thủy điện	305	4%	305	3%
Năng lượng tái tạo	55	1%	855	9%
Tổng công suất của PV Power đến cuối giai đoạn	6.910	100%	9.960	100%

CÔNG TÁC SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG

Giai đoạn 2021 -2025

- Tiếp tục quản lý, vận hành ổn định/hiệu quả các Nhà máy Điện khí, Thủy điện, Than hiện hữu và các Nhà máy điện mới do PV Power trực tiếp đầu tư hoặc tham gia góp vốn đầu tư đưa vào vận hành trong giai đoạn này.
- Thực hiện công tác chào giá và bán điện theo các hợp đồng đã ký từ giai đoạn bán buôn cạnh tranh.
- Sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện: Nâng cao chất lượng sản phẩm điện và khả năng cạnh tranh về giá bán, đặc biệt đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo (lĩnh vực có sự cạnh tranh rất lớn từ các nhà đầu

tư tư nhân); xây dựng đội ngũ cán bộ bán buôn/bán lẻ điện cạnh tranh.

Giai đoạn 2026- 2035

- Tiếp tục vận hành ổn định và hiệu quả các Nhà máy điện hiện hữu và các Nhà máy điện mới đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- củng cố hạ tầng, xem xét đầu tư các trạm cấp điện thẳng đến hộ tiêu thụ cuối cùng phù hợp với xu thế tiêu dùng của thị trường phát triển mở rộng kinh doanh bán lẻ điện và tham gia thị trường điện bán buôn phù hợp với quy mô phát triển của thị trường điện.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN

Giai đoạn 2021 -2025

- Triển khai công tác đầu tư và đưa Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3&4 với tổng công suất 1.500 MW vào vận hành trong giai đoạn này.
- Góp vốn hướng tới việc triển khai

đầu tư dự án điện khí như Nhà máy điện khí miền Trung 1&2 (1.500 MW), Nhà máy điện LNG Cà Mau 3 (công suất 1.500 MW)...các dự án năng lượng tái tạo (điện áp mái, điện mặt trời lòng hồ,...) (công suất khoảng 55 MW).

2

Giai đoạn 2026-2035

- Tiếp tục góp vốn để triển khai đầu tư dự án Nhà máy điện khí khác (công suất 4.500 MW). Các dự án này dự kiến sẽ đưa vào vận hành trong giai đoạn này.

- Năng lượng tái tạo: Tìm kiếm, nghiên cứu góp vốn đầu tư các dự án điện khác có hiệu quả, khả thi. Mục tiêu đến năm 2035 tham gia góp vốn để đầu tư thêm 800 MW năng lượng điện tái tạo.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa và gia công chế tạo, phục hồi vật tư, thiết bị; dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các Nhà máy điện,... để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

DỊCH VỤ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA NHÀ MÁY ĐIỆN

Giai đoạn 2021 - 2025

- Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu bao gồm: thực hiện công tác BDSC lớn, định kỳ các NMĐ của Tổng công ty; thu hút và đào tạo nhân lực kỹ thuật chất lượng cao; từng bước mở rộng thị trường để đảm nhận và thực hiện công tác dịch vụ tại các NMĐ của Tập đoàn và các NMĐ khác; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới.
- Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên cho các NMĐ của PVN/ PV Power; phát triển dịch vụ BDSC với các đơn vị ngoài PVN/PV Power cho các nhà máy Lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa,...
- Nghiên cứu đầu tư xưởng chế tạo, phục hồi các thiết bị phục vụ NMĐ than, trước mắt phục vụ NMĐ Vũng Áng 1; tiến tới mở rộng phạm vi của xưởng chế tạo, phục hồi cho

các đơn vị ngoài PVN/PV Power; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị phụ tùng thay thế tại các NMĐ như Tuabin hơi, bơm, quạt, van, vòi, máy nén, ống áp lực lò hơi,...

Giai đoạn 2026 - 2035

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính cho tất cả các NMĐ thuộc Tập đoàn/ Tổng công ty.
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và BDSC các NMĐ than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU

Giai đoạn 2021 - 2025

- Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,...) ổn định, lâu dài than ổn định cho các NMĐ của PV Power. Tham gia đầu tư dự án kho LNG cấp cho TTĐL Cà Mau và TTĐL Nhơn Trạch.
- Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu;
- Nhập khẩu than: xây dựng quy chế/ quy trình cho nhập khẩu than, chuẩn bị đầu tư cơ sở hạ tầng cho công tác nhập khẩu than như cảng nhập, kho than, hệ thống phối trộn, vận tải nội địa ...
- Tổ chức triển khai hoạt động kinh

doanh cung ứng nhiên liệu cho các hộ tiêu thụ đảm bảo hiệu quả kinh tế.

Giai đoạn 2026 - 2035

- Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,...) ổn định, lâu dài than ổn định cho các NMĐ của PV Power.
- Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu.
- Cung ứng than nhập khẩu (vận chuyển nội địa và chuyển tải) cho các hộ tiêu thụ trong và ngoài PVN.
- Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh cung ứng nhiên liệu cho các hộ tiêu thụ đảm bảo hiệu quả kinh tế.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019

Sự kiện 2019

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Hợp tác quốc tế

Tình hình tài chính

Tổ chức và nhân sự

Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

THÔNG TIN CHUNG

SỰ KIỆN 2019



**Cổ phiếu POW chính thức chào sàn HOSE
ngày 14/01/2019**



**PV POWER ĐƯỢC VINH DANH “TOP 50 CÔNG TY
NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM” NĂM 2019**



“ Những thành công liên tiếp của mã cổ phiếu POW cũng như sự đánh giá cao đến từ các tổ chức uy tín mang tầm quốc tế đang dần chứng tỏ sự lớn mạnh của PV Power trên sàn chứng khoán Việt Nam. Có được điều này là do PV Power luôn đề cao sự minh bạch để tạo niềm tin với nhà đầu tư, cổ đông và các thành viên thị trường, đảm bảo POW là một kênh đầu tư đáng tin cậy, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông ”

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THÔNG TIN NGÀNH

Trong năm 2019 ngành điện phải đối mặt với nhiều khó khăn về nguồn cung nhiên liệu cũng như lượng cầu trên thị trường tăng quá cao. Việc thiếu nguồn nguyên liệu than đã làm cho nhiều nhà máy nhiệt điện than không đủ nguyên liệu để vận hành công suất phát khi giá trên thị trường phát điện cạnh tranh tăng cao, thậm chí một số nhà máy phải tạm dừng phát ở một số tổ máy. Hiện tượng thời tiết El Nino đã có tác động rõ rệt lên khu vực Miền Trung và Tây Nguyên làm cho lượng mưa ở các khu vực này thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm. Thủy văn bất lợi đã làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sụt giảm mạnh so với cùng kỳ với 15 trong tổng số 19 doanh nghiệp thủy điện được thống kê giảm doanh thu và lợi nhuận so với cùng kỳ. Tuy nhiên lượng mưa thấp trong mùa mưa năm 2019 làm cho các hồ thủy điện không tích đủ nước dẫn tới các doanh nghiệp thủy điện sẽ tiếp tục khó khăn cho ít nhất đến hết nửa đầu năm 2020.

Ngoài ra, sự cạnh tranh gay gắt từ nguồn điện từ năng lượng tái tạo cũng là một trở ngại lớn. Bước sang nửa đầu năm 2019, năng lượng mặt trời đã có bước nhảy vọt với tổng công suất lắp máy lên tới 4.464 MW vào cuối tháng 6 /2019 và tăng lên 5.100 MW vào cuối năm 2019. Năng lượng mặt trời có bước tăng nhảy vọt này là do các nhà máy đều đẩy nhanh tiến độ để kịp hòa lưới trước 30/6/2019, là thời điểm cuối cùng được hưởng cơ chế ưu đãi theo Quyết định 11 của Thủ tướng Chính phủ.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 SO VỚI KẾ HOẠCH

Đối mặt với những khó khăn thách thức, cùng với các thuận lợi như đã nêu trên, với sự nỗ lực và đoàn kết của tập thể Lãnh đạo, cán bộ công nhân viên và người lao động PV Power đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm được giao:

1 Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh ở tất cả các mặt sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Sản lượng điện toàn Tổng công ty cả năm là 22,54 tỷ kWh (đạt 104% kế hoạch), vượt 4% so với kế hoạch cả năm và vượt 7% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân sản lượng điện tăng cao: Năm 2019 là một năm khó khăn của toàn hệ thống điện quốc gia với nhu cầu phụ tải tăng cao đặc biệt trong mùa nắng nóng trong khi do điều kiện thủy văn không thuận lợi, lượng nước về các hồ thủy điện thiếu hụt. Trong bối cảnh đó, các nguồn điện khí được huy động tối đa công suất bao gồm cả các nhà máy điện của PV Power.
- Tổng doanh thu và thu nhập toàn Tổng công ty cả năm là 35.948 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch năm và bằng 108% so với cùng kỳ năm 2018; Tổng doanh thu và thu nhập Công ty mẹ là 25.371 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch năm 2019 và bằng 105% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân: Việc gia tăng tổng doanh thu và thu nhập trong năm 2019 so với kế hoạch chủ yếu do tăng sản lượng huy động điện từ A0 (do thiếu hụt điện năng của toàn hệ thống điện), tăng do giá nhiên liệu tăng và từ việc huy động chạy dầu.
- Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty cả năm là 3.165 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế cả năm của Công ty mẹ là 2.197 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch. Nguyên nhân dẫn tới lợi nhuận vượt kế hoạch do: Doanh thu các đơn vị toàn Tổng công ty tăng vượt kế hoạch 10% tuy nhiên tổng chi phí chỉ tăng 9% so với kế hoạch. Tổng chi phí tăng chủ yếu tập trung vào chi phí nhiên liệu (khí, than) tăng so với kế hoạch, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí mặc dù chi phí quản lý giảm 6% và chi phí tài chính và chi phí khác giảm 24% so với kế hoạch.
- Nộp ngân sách nhà nước toàn Tổng công ty cả năm đạt 1.526 tỷ đồng, bằng 117% kế hoạch; Công ty mẹ nộp ngân sách nhà nước 948 tỷ đồng, bằng 124% kế hoạch đặt ra đầu năm.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH/ KH năm 2019 (%)
Sản lượng điện	Tỷ kWh	21,6	22,54	104,00%
Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	32.770	35.948,01	110,00%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.500,2	3.165,04	126,00%

2 Vận hành an toàn, hiệu quả, đảm bảo công tác an toàn, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện.

3 Hoàn thiện Chiến lược phát triển của Tổng Công ty đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 làm cơ sở triển khai đầu tư phát triển, sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

4 Thực hiện an toàn, chất lượng, đạt và hoàn thành trước tiến độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các nhà máy điện, cụ thể: Trung tu Nhà máy Thủy điện Hòa Na vượt tiến độ kế hoạch 04 ngày; Trung tu tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1 hoàn thành đúng tiến độ; Tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 vượt tiến độ từ 11 giờ đến 2 ngày; Tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt tiến độ hơn 2 ngày; Tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 1&2 hoàn thành đúng tiến độ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 SO VỚI KẾ HOẠCH (tiếp theo)

5 Tích cực đề xuất Chính phủ, các Bộ Ngành trong việc thay đổi cơ chế, chính sách đối với việc cung cấp than cho các Nhà máy điện. Ngày 02/12/2019, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 29/CT-TTg về tiếp tục tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất điện, theo đó đã tạo chủ động cho các đơn vị sản xuất điện trong việc cung cấp than để vận hành nhà máy, tạo tiền đề cho việc khắc phục tình trạng thiếu than của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 do chỉ được sử dụng than trong nước như trước đây.

6 Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư các dự án điện mới, nghiên cứu mở rộng nguồn nhiên liệu mới, các loại hình năng lượng sạch như điện mặt trời (mái nhà, lòng hồ), điện sử dụng khí LNG... ngoài các loại hình truyền thống là nhiệt điện than, nhiệt điện khí, thủy điện. Việc này có ý nghĩa quan trọng khi mà các nguồn nhiên liệu như than, khí gas đang dần suy giảm; đồng thời là những bước đi quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược phát triển Tổng Công ty, giúp hoạt động sản xuất kinh doanh được đa dạng, không chỉ phụ thuộc vào việc vận hành các nhà máy hiện hữu.

7 Quan tâm đến đời sống, chế độ phúc lợi đối với người lao động: Thực hiện công tác tái cơ cấu của Tổng Công ty, sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ giữa các Ban, đơn vị, bước đầu đã tạo được việc làm cho CBCNV tại PV Power Fuel, hy vọng sự quan tâm của Lãnh đạo Tổng Công ty trong việc tìm kiếm việc làm cho người lao động của các đơn vị sẽ là động lực cho CBCNV toàn Tổng Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ.

8 Thay đổi trong công tác quản trị, phân cấp mạnh cho các đơn vị, tạo sự chủ động cho các đơn vị trước tiên là trong công tác thương mại, đồng thời đây cũng là cơ sở để phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ.

9 Thực hiện tốt việc quản trị tài chính, cân đối nguồn tiền để trả các khoản nợ, qua đó đã làm lợi cho Tổng Công ty nhiều tỷ đồng; đồng thời tạo được niềm tin, mối quan hệ tốt với các ngân hàng trong và ngoài nước, là cơ sở tốt cho việc thu xếp các nguồn vốn ngắn hạn và lâu dài phục vụ cho hoạt động của Tổng Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH QUA CÁC NĂM

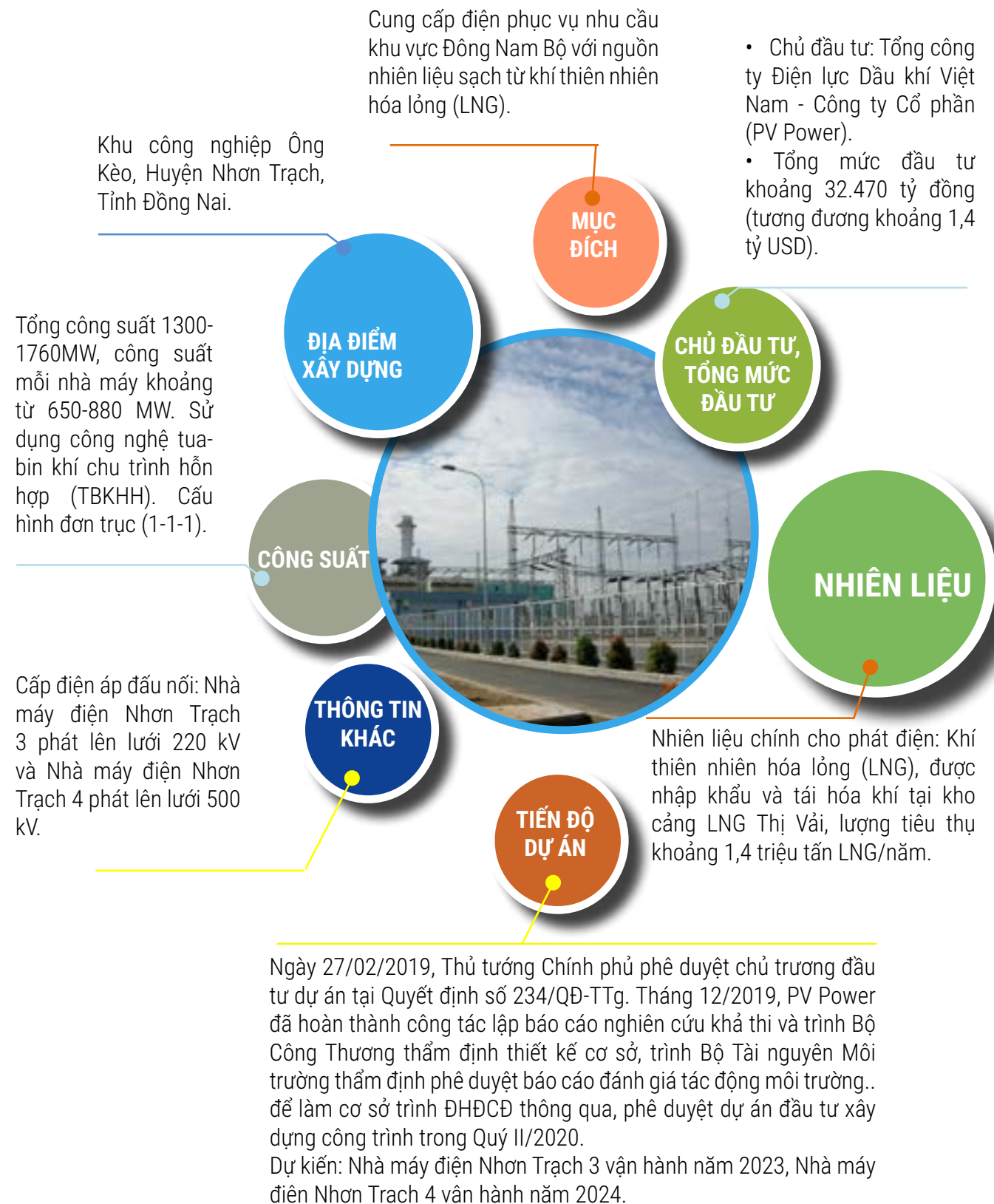
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	CAGR giai đoạn 2016-2019
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	28.211,76	29.710,05	32.662,19	35.374,27	7,83%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	24.429,21	24.787,39	28.185,66	30.236,63	7,37%
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	755,85	815,43	793,09	1.203,45	16,77%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.695,64	2.733,47	2.491,80	3.165,04	23,13%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.517,44	2.601,69	2.286,84	2.854,89	23,45%

(Ghi chú: Các số liệu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 là tổng của 2 giai đoạn: 6 tháng đầu năm 2018 là Công ty TNHH MTV và 6 tháng cuối năm là Công ty Cổ phần.)

Các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản của Tổng công ty đều tăng trưởng với mức độ đáng ấn tượng trong giai đoạn 2016 – 2019. Doanh thu thuần tăng từ 28.211 tỷ năm 2016 lên 35.374 tỷ năm 2019 với tốc độ tăng trưởng bình quân CAGR xấp xỉ 8%, tương tự, giá vốn hàng bán có biến động không khác biệt là bao. Tuy nhiên, Chi phí hoạt động có bước biến động mạnh trong 2019, tăng vọt lên trên mức 1.000 tỷ đồng, nâng CAGR giai đoạn 2016 – 2019 lên hơn 16%, được đóng góp bởi chi phí quản lý trong năm chủ yếu do việc trích lập dự phòng phải thu đối với khoản phải thu EPTC quá hạn thanh toán với số tiền 403 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế có chung xu hướng tăng trưởng đều đặn với tốc độ khá cao, trên 23%.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY - PV POWER GÓP VỐN CHI PHỐI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện so với kế hoạch
1	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2				
	- Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	7.340,1	7.740,8	105%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	706,4	797,4	113%
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	671,1	754,2	112%
	- Cổ tức nộp về TCT	Tỷ đồng	372,1	0	
2	CTCP Thủy điện Hòa Na				
	- Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	702,9	669	95%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	56,4	72,6	129%
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56,4	68,3	121%
3	CTCP Điện lực dầu khí Bắc Kạn*				
	- Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	17,5	16,1	92%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,1	2,5	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,1	2,5	
4	CTCP Thủy điện ĐakDrink				
	- Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	547,3	409,2	75%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,1	-13	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,1	-13	
5	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực dầu khí Việt Nam				
	- Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	224,8	214,9	96%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,0	18,4	613%
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,3	14	611%
	- Cổ tức nộp về TCT	Tỷ đồng	1,0	7,3	730%
6	CTCP Máy - Thiết bị dầu khí				
	- Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	1.200,0	1.771	148%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37,3	43,7	117%
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	37,1	43,0	116%
	- Cổ tức nộp về TCT	Tỷ đồng	15,9	7	44%

Ghi chú: (*) Các chỉ tiêu thực hiện năm 2019 của CTCP Điện lực dầu khí Bắc Kạn tính đến 15/10/2019 (do PV Power đã hoàn thành thoái vốn tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn kể từ ngày 16/10/2019).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY - PV POWER GÓP VỐN CHI PHỐI (Tiếp theo)

1 CTCP ĐLĐK Nhơn Trạch 2

- Nhà máy điện Nhơn Trạch 2: Năm 2019, các tổ máy vận hành hiệu quả, bảo đảm độ khả dụng để huy động theo thị trường phát điện cạnh tranh và không có sự cố bất thường thiết bị lớn nào xảy ra.
- Cả năm 2019: Sản lượng điện đạt 4.952 triệu kWh, hoàn thành 106% kế hoạch; Doanh thu đạt 7.740,8 tỷ đồng, hoàn thành 105% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 797,4 tỷ đồng, hoàn thành 113% kế hoạch.

2 CTCP Thủy điện ĐakĐrinh

- Nhà máy điện ĐakĐrinh: Lưu lượng nước về hồ trung bình trong năm 2019 khá thấp, trung bình đạt 20,7 m3/s, thấp hơn trung bình nhiều năm 27,41 m3/s. Tổ máy H1 phải ngừng máy từ ngày 19/05/2019 tới ngày 08/08/2019 do bị sự cố cháy vòng ngăn mạch roto làm ảnh hưởng tới sản lượng điện phát cũng như doanh thu/lợi nhuận của nhà máy. Tháng 10 tới tháng 12 là giai đoạn mùa mưa của lưu vực hồ ĐakĐrinh, tuy nhiên lưu lượng nước về hồ quý IV/2019 rất thấp, dẫn tới các tháng cuối năm nhà máy thường xuyên vi phạm mực nước giới hạn tuần.
- Cả năm 2019: Sản lượng điện đạt 433 triệu kWh, hoàn thành 82% kế hoạch; Doanh thu đạt 409,2 tỷ đồng, hoàn thành 75% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế lỗ 13 tỷ đồng so với kế hoạch 0,1 tỷ đồng đặt ra đầu năm.

3 CTCP Thủy điện Hủa Na

- Nhà máy điện Hủa Na: Trong năm 2019, nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra.
- Cả năm 2019: Sản lượng điện đạt 560 triệu kWh, hoàn thành 86% kế hoạch do lưu lượng

nước trung bình về hồ thấp, chỉ bằng khoảng 64% so với trung bình nhiều năm; Doanh thu đạt 669 tỷ đồng, hoàn thành 95% kế hoạch; Mặc dù sản lượng điện không hoàn thành kế hoạch nhưng do vận hành thị trường điện hiệu quả nên lợi nhuận trước thuế đạt 72,6 tỷ đồng, hoàn thành 129% kế hoạch.

4 CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

- PV Power Services đã tập trung thực hiện 100% khối lượng công tác sửa chữa thường xuyên, đột xuất và xử lý sự cố cho các Nhà máy điện. Đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ năm 2019: PV Power Services đã hoàn thành trung tu Tổ máy H1 và H2 - Nhà máy điện Hủa Na, tiểu tu Tổ máy GT11 và GT12 - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đều vượt tiến độ, đảm bảo chất lượng và an toàn tuyệt đối.
- Cả năm 2019: Doanh thu đạt 214,9 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 18,4 tỷ đồng, so với kế hoạch đặt ra là 3 tỷ đồng.

5 CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí

- Cả năm 2019: Doanh thu đạt 1.771 tỷ đồng, hoàn thành 148% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 43,7 tỷ đồng, hoàn thành 117% kế hoạch.

6 CTCP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn

Trong tháng 10/2019, PV Power đã thoái toàn bộ số cổ phần sở hữu tại CTCP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn các số liệu liên quan chỉ tính đến 15/10/2019.

ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY - PV POWER GÓP VỐN KHÔNG CHI PHỐI

STT	Tên doanh nghiệp	Đơn vị tính	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	Lợi nhuận sau thuế năm 2019
1	Nhóm các đơn vị thủy điện			
	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	Tỷ đồng	145,19	162
	CTCP Năng lượng Sông Hồng	Tỷ đồng	10,42	6
	CTCP Điện Việt - Lào	Tỷ đồng	248,69	223,9
	CTCP EVN Quốc tế	Tỷ đồng	1,52	1,7
	CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	Tỷ đồng	0,81	-58,29
2	Nhóm các đơn vị dịch vụ - kinh doanh (hoạt động SXKD đang gặp khó khăn do không tìm kiếm được nguồn công việc mới, dự án cũ bị đình trệ)			
	CTCP Cơ điện Dầu khí	Tỷ đồng	0,014	0,012
	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí	Tỷ đồng	-81,69	-12,55
3	Nhóm đơn vị hoạt động kém hiệu quả (đang trong quá trình giải thể, phá sản)			
	CTCP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà	Tỷ đồng	Đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	
	CTCP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	Tỷ đồng	Tháng 3/2019, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội đã có thông báo giải thể.	

Nhóm các đơn vị thủy điện

Bao gồm 05 đơn vị là các Công ty chủ quản thực hiện đầu tư và mới đưa vào quản lý vận hành, khai thác các dự án thủy điện. Bắt đầu từ năm 2018, ngoại trừ CTCP Thủy điện Sông Tranh 3 đang trong giai đoạn đầu tư dự án thì các đơn vị thủy điện còn lại đã bắt đầu có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn tình trạng lỗ lũy kế (Chi tiết như bảng tổng hợp trên).

Nhóm các đơn vị kinh doanh - dịch vụ

Bao gồm 02 đơn vị là CTCP Cơ điện Dầu khí Việt Nam (ngành nghề chính là thi công bảo dưỡng cơ điện), CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí (ngành nghề chính là tư vấn thiết kế và kinh doanh bất động sản). Hoạt động của các đơn vị này gặp rất nhiều khó khăn do không tìm kiếm được nguồn công việc mới, các dự án cũ bị đình trệ do Chủ đầu tư thiếu vốn để giải ngân. Lỗ lũy kế ngày càng tăng và Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối

với 2 khoản đầu tư này theo đúng quy định (đến 31/12/2019, dự phòng 18,5 tỷ đồng/giá trị đầu tư 19,2 tỷ đồng).

Nhóm các đơn vị hoạt động SXKD không hiệu quả, đang thực hiện giải thể: Bao gồm 02 đơn vị (CTCP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương và CTCP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà) với vốn đầu tư thực tế là 1,78 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,03% trong giá trị đầu tư ngoài doanh nghiệp của PV Power và đã được trích lập dự phòng trên toàn bộ giá trị đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

HỢP TÁC QUỐC TẾ

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ THU XẾP VỐN CHO CÁC DỰ ÁN LNG

PV Power ký Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư với Công ty năng lượng B. Grimm Power thuộc Tập đoàn B. Grimm (Thái Lan)



PV Power Ký biên bản hợp tác ghi nhớ đầu tư với đối tác Tập đoàn Wartsila (Phần Lan)



TĂNG CƯỜNG, ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN QUAN HỆ HỢP TÁC QUỐC TẾ



PV Power ký Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư với các đối tác Nhật Bản (Tokyo gas, Marubeni) tại Quảng Nam



PV Power làm việc với đối tác Golar

XÚC TIẾN VỚI CÁC NGÂN HÀNG VÀ ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VAY VỐN LƯU ĐỘNG, PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THU XẾP VỐN CHO CÁC DỰ ÁN MỚI



PV Power làm việc với Ngân hàng Hong Kong và Thượng Hải (HSBC)



PV Power làm việc với Ngân hàng Societe Generale



PV Power làm việc với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) và Công ty JERA.co



PV Power làm việc với Ngân hàng Tái thiết Đức (German Development Bank – KfW) văn phòng đại diện Singapore



PV Power ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION (SMBC)



PV Power làm việc với Ngân hàng Banco Bilbao Vizcaya Argentaria, S.A. (BBVA)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tính đến cuối năm 2019, Tổng tài sản của PV Power đạt 55.695 tỷ đồng, giảm 4,16% tương ứng 2.416 tỷ đồng so với 58.111 tỷ đồng được ghi nhận vào cuối năm 2018.

Về phần nguồn vốn: mặc dù tổng nợ phải trả giảm 16,33%, vốn điều lệ không thay đổi, nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 24% khiến tổng nguồn vốn của PV Power chỉ giảm 4,16%.

Trong khi đó, Doanh thu thuần tăng trưởng khá nổi bật với mức 8% so với cuối năm 2018 nhờ phần lớn vào sự tăng trưởng từ doanh thu bán điện.

Doanh thu từ bán điện đóng góp đến gần 95% tổng doanh thu của PV Power trong năm 2019, áp đảo về giá trị so với các hoạt động kinh doanh khác như cung cấp dịch vụ, bán hàng và từ hợp đồng xây lắp (Hoạt động tài chính có lợi nhuận chủ yếu). Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá do PV Power có một số hợp đồng vay bằng ngoại tệ.

Về Lợi nhuận: Trong khi hoạt động tài chính có lợi nhuận âm và Lợi nhuận hoạt động khác là không đáng kể thì hoạt động sản xuất kinh doanh điện là hoạt động cốt lõi mang lại lợi nhuận cho PV Power.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	58.111,43	55.695,70	-4,16%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	32.662,19	35.374,27	8,30%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	2.469,36	3.116,06	26,19%
Trong đó:				
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-1.263,62	-870,16	-31,14%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	22,45	48,98	118,20%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.491,80	3.165,04	27,02%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.286,84	2.854,89	24,84%

(Ghi chú: Các số liệu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 là tổng của 2 giai đoạn: 6 tháng đầu năm 2018 là Công ty TNHH MTV và 6 tháng cuối năm là Công ty Cổ phần.)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,87	0,94	0,07
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,63	0,86	0,23
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	53,86%	47,02%	-6,84%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	116,71%	88,74%	-27,97%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7,30	10,77	3,47
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,55	0,62	0,07
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,00%	8,07%	1,07%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	8,53%	9,67%	1,75%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	3,85%	5,02%	1,16%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	7,56%	8,81%	1,25%

Về khả năng thanh toán: Kết thúc năm tài chính 2019, hệ số thanh toán ngắn hạn của POW tăng 0,07 lần từ 0,87 vào cuối năm 2018 lên 0,94 vào cuối năm 2019. Cùng chiều với xu hướng biến động của hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh cũng thể hiện sự cải thiện với mức tăng 0,23 lần, đạt 0,86 vào cuối năm. Trong khi chỉ tiêu nợ ngắn hạn trong năm giảm nhẹ không đáng kể, khả năng thanh toán của POW được nâng cao đáng kể là nhờ sự tăng trưởng mạnh từ các chỉ tiêu tài sản có tính thanh khoản cao như: Chỉ tiêu tiền và tương đương tiền tăng trưởng 60% và mức tăng đáng quan tâm 274% từ chỉ tiêu đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Về cơ cấu vốn: Với vị thế là người đi đầu trong ngành sản xuất điện, PV Power hiện tại đang thể hiện rõ rệt đặc thù tài chính của các nhà máy điện đã đi vào vận hành, có dòng tiền ổn định và lịch trả nợ dài hạn đều qua các năm. Cấu trúc vốn của PV Power có xu hướng giảm dần tỷ trọng tài chính dần qua các năm. Cuối năm 2019, Hệ số nợ/Tổng tài sản của PV Power giảm 6,84% so với cùng kỳ năm 2018, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm sâu 27,97% từ 116,71% xuống còn 88,74%. Việc giảm các hệ số tài chính này chủ yếu là do PV Power luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn

dẫn đến nợ phải trả giảm qua các năm.

Về năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho của PV Power thể hiện dấu hiệu tăng lên sau giai đoạn duy trì ổn định quanh vùng xấp xỉ 7 vòng/năm trong giai đoạn 2016 – 2018. Lý giải cho hiện tượng hàng tồn kho trong năm giảm mạnh là phần lớn từ việc giảm hàng tồn kho tại các công ty con. Tương tự, doanh thu thuần/ tổng tài sản cũng có cùng xu hướng biến động, do doanh thu thuần tăng trong khi đó tổng tài sản giảm.

Về khả năng sinh lời: Nhìn chung, các hệ số sinh lời của PV Power tăng trong giai đoạn 2018 – 2019 với mức tăng xấp xỉ 1 – 2%. Trong đó, ROE của công ty cho thấy sự bứt lên đạt gần 10% với 1,14% chênh so với năm 2018 sau một khoản giảm nhẹ trong giai đoạn 2017 – 2018. ROA cũng thể hiện xu hướng tăng tương ứng từ 3,85% vào năm 2018 lên 5,02% vào năm 2019. Hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần và Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần có giá trị và xu hướng biến động tương tự nhau qua cả giai đoạn 2016 – 2019 có thể cho thấy việc các chỉ tiêu như thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh có tác động vô cùng nhỏ đến PV Power.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

THAY ĐỔI TRONG BAN LÃNH ĐẠO NĂM 2019

STT	Họ và tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu lực
1	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	Mới bổ nhiệm	19/04/2019
2	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên độc lập HĐQT	Mới bổ nhiệm	19/04/2019
3	Ông Phan Ngọc Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Mới bổ nhiệm	30/08/2019
4	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Mới bổ nhiệm	06/09/2019
5	Ông Chu Quang Toàn	Phụ trách Tài chính Kế toán	Mới bổ nhiệm	19/04/2019
6	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Nguyên Kế toán trưởng, Thành viên Ban kiểm soát	Được miễn nhiệm Kế toán trưởng, được bầu vào Ban kiểm soát	19/04/2019
7	Ông Vũ Huy An	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm	19/04/2019
8	Ông Hoàng Văn Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu	01/09/2019

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Tính đến 31/12/2019, tổng số lao động năm 2019 toàn Tổng công ty là 2.156 người. Trong đó:

- Lao động có trình độ trên đại học: 189 người (chiếm 8,77%);
- Lao động có trình độ đại học: 1.289 lao động có trình độ đại học (chiếm 59,79%);
- Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp: 336 người (chiếm 15,58%);
- Lao động có trình độ CNKT, lái xe: 312 người (chiếm 14,47%);
- Lao động có trình độ phổ thông: 30 người (chiếm 1,39%).

Tổng số CBCNV của Công ty mẹ là 1.209 người, trong đó Người quản lý là 18 người, Người lao động là 1.191 người:

- Lao động có trình độ trên đại học: 123 người (chiếm 10,17%);
- Lao động có trình độ đại học: 774 người (chiếm 64,02%);
- Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp: 122 người (chiếm 10,09%);
- Lao động có trình độ CNKT, lái xe: 180 người (chiếm 14,89%);
- Lao động có trình độ phổ thông: 10 người (chiếm 0,83%).

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lao động

- Năm 2019, Tổng công ty đã triển khai thực hiện thí điểm phương án trả lương mới (tại 02 đơn vị: Cơ quan Tổng công ty và Chi nhánh Tổng công ty - Công ty ĐLDK Nhơn Trạch) theo vị trí chức danh công việc mà người lao động đảm nhận để thay thế cho hệ thống trả lương cũ gồm 2 thành tố là lương cơ bản và lương chức danh. Trên cơ sở đồng thuận của đại đa số người lao động đối với phương án trả lương này, Tổng công ty sẽ tổ chức áp dụng đối với tất cả các đơn vị của Tổng công ty trong năm 2020.
- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời



gian làm việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp BHXH & BHYT cho CBNV như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...

- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám chữa bệnh định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện AT-BHLĐ cho Người lao động. Tổ chức cho Người lao động đi tham quan, nghỉ mát.
- Năm 2019, Tổng công ty tiếp tục duy trì và tăng mức bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trách nhiệm cao... cho người lao động.

Hoạt động đào tạo người lao động

- Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc theo yêu

cầu pháp luật, được đào tạo chuyên môn, an toàn định kỳ. Năm 2019, Tổng công ty đã đào tạo 3.022 lượt người với tổng kinh phí 6,867 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần:
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Vốn điều lệ:
23.418.716.000.000 VNĐ

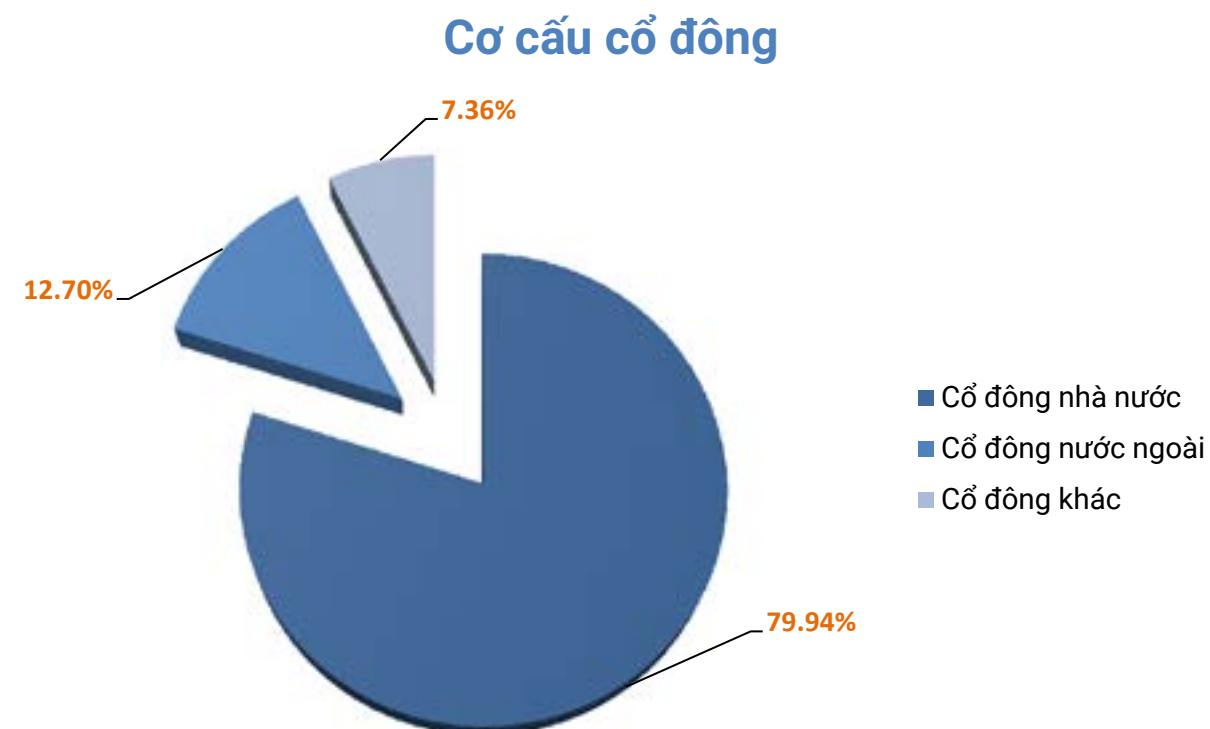
Khối lượng cổ phiếu đã phát hành:
2.341.871.600 cổ phiếu

Loại cổ phiếu:
Phổ thông

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.341.871.600 cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng



Danh sách cổ đông lớn tính đến 31/12/2019

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKK/MSGD của Nhà đầu tư	Địa chỉ/ Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	1.872.141.477	79,94%
Tổng				1.872.141.477	79,94%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2019, Tổng công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.

Trong năm 2019, Tổng công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Trong năm 2019, Tổng công ty không thực hiện phát hành các chứng khoán khác.





03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG ĐIỆN

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện/ Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019/ 2018
Nhà máy điện Cà Mau 1&2	7.210,50	7.040,7	7.556,2	107%	105%
Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	2.934,57	2.950,0	3.254,6	110%	111%
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	4.737,18	4.650,0	4.952,2	106%	105%
Nhà máy Thủy điện Nậm Cát	18,02	14,7	16,5	112%	91%
Nhà máy Thủy điện Hòa Na	806,24	650,6	559,8	86%	69%
Nhà máy Thủy điện Đakdrinh	423,16	525,0	432,9	82%	102%
Nhà máy điện Vũng Áng 1	4.877,12	5.769,0	5.770,5	100%	118%
Tổng	21.006,8	21.600,0	22.542,6	104%	107%

Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty thực hiện năm 2019 là 22.543 triệu kWh, vượt 4% so với kế hoạch cả năm và vượt 7% so với thực hiện năm 2018.

Năm 2019 là một năm khó khăn của toàn hệ thống điện quốc gia với nhu cầu phụ tải tăng cao đặc biệt trong mùa nắng nóng trong khi do điều kiện thủy văn không thuận lợi, lượng nước về các hồ thủy điện thiếu hụt. Trong bối cảnh đó, các nguồn điện khí được huy động tối đa công suất bao gồm cả các nhà máy điện của PV Power. Nhà máy điện Cà Mau 1&2 tuy không đủ lượng khí chạy đủ công suất cả 4 tổ máy tuy nhiên ngoài sản lượng được huy động theo kế hoạch, A0 đã huy động thêm chạy dầu trong những thời điểm hệ thống điện có nhu cầu phụ tải cao (295 triệu kWh điện chạy dầu). Sản lượng điện của Nhà máy điện Cà Mau 1&2 thực hiện là 7.556 kWh điện/ 7.040 kWh điện, vượt hơn 500 triệu kWh. Tại khu vực Đông Nam Bộ, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 được huy động vượt kế hoạch 304 triệu kWh (104 triệu kWh điện chạy dầu), Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt kế hoạch 302 triệu kWh (5 triệu kWh điện chạy dầu).

Tại các nhà máy thủy điện, do điều kiện thủy văn không tốt, lượng nước về các hồ thủy điện thấp nên sản lượng điện không đạt theo kế hoạch đề ra. Đây là một bất lợi, phụ thuộc lớn vào yếu tố khách quan (thời tiết, thủy văn), mặc dù các nhà máy thủy điện đều đã tham gia thị trường điện và có lợi thế giá thành thấp hơn nhiệt điện.

Như vậy có thể thấy tốc độ tăng trưởng nhu cầu phụ tải của hệ thống điện Việt Nam rất lớn và tốc độ đáp ứng của các nguồn điện mới không đáp ứng kịp trong năm vừa qua cũng như trong các năm tiếp theo. Trong năm 2019, qua kịch bản huy động điện cùng với thực tế vận hành các nhà máy điện khí, than và thủy điện của PV Power, có thể thấy các Nhà máy điện khí là một ưu thế lớn của PV Power với việc vận hành đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường, độ khả dụng cao, tốc độ đáp ứng nhu cầu phụ tải nhanh. Đối với Nhà máy điện than cần đảm bảo độ khả dụng máy móc thiết bị cũng như khả dụng nhiên liệu thì mới vận hành tối đa công suất, đảm bảo hiệu quả - đây là một thách thức lớn trong công tác vận hành nhà máy điện than hiện nay.

CHỈ TIÊU DOANH THU

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện / kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019/ 2018
I	Doanh thu toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	33.260	32.770	35.948	110%	108%
1	Doanh thu trực tiếp của Công ty mẹ	Tỷ đồng	22.959	22.737	25.357	112%	110%
2	Các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	10.644	10.033	10.821	108%	102%
	CTCP BLDK Nhơn Trạch 2	Tỷ đồng	7.750	7.340	7.741	105%	100%
	CTCP Thủy điện Hòa Na	Tỷ đồng	883	703	669	95%	76%
	CTCP Thủy điện Đakdrinh	Tỷ đồng	423	547	409	75%	97%
	CTCP BLDK Bắc Kạn	Tỷ đồng	21	18	16	92%	78%
	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật BLDK	Tỷ đồng	306	225	215	96%	70%
	CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí	Tỷ đồng	1.262	1.200	1.771	148%	140%
3	Điều chỉnh doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	-343	0	-282	-	-
II	Doanh thu Công ty mẹ	Tỷ đồng	24.218	23.126	25.371	110%	105%
1	Doanh thu trực tiếp của Công ty mẹ	Tỷ đồng	22.959	22.737	25.357	112%	110%
1.1	Doanh thu đơn vị sản xuất điện	Tỷ đồng	22.953	22.672	25.346	112%	110%
	CT BLDK Cà Mau	Tỷ đồng	10.851	9.787	11.286	115%	104%
	CT BLDK Nhơn Trạch	Tỷ đồng	4.757	4.575	5.247	115%	110%
	CT BLDK Hà Tĩnh	Tỷ đồng	7.345	8.310	8.813	106%	120%
1.2	Doanh thu, thu nhập khác	Tỷ đồng	6	65	11	17%	183%
2	Cổ tức từ các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	1.259	389	14	4%	1%
	CTCP BLDK Nhơn Trạch 2	Tỷ đồng	1.229	372	0	0%	0%
	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật BLDK	Tỷ đồng	9	1	7	700%	78%
	CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí	Tỷ đồng	20	16	7	44%	34%

Tổng doanh thu và thu nhập của toàn Tổng công ty năm 2019 đạt 35.948 tỷ đồng, bằng 110% kế hoạch và bằng 108% so với năm 2018, trong đó:

- Doanh thu trực tiếp Công ty mẹ năm 2019 đạt 25.357 tỷ đồng, bằng 112% kế hoạch.
 - Doanh thu các Công ty thành viên: 10.821 tỷ đồng, bằng 108% kế hoạch.
- Doanh thu toàn Tổng Công ty năm 2019 cao hơn kế hoạch giao, trong đó: Các yếu tố làm tăng doanh thu toàn Tổng công ty (3.716 tỷ đồng):
- Sản lượng điện sản xuất của các nhà máy điện khí tăng làm doanh thu tăng (1.733 tỷ đồng).
 - Giá bán điện của các nhà máy điện đều tăng làm doanh thu tăng (1.359 tỷ đồng), do: (i) Giá khí của các Nhà máy điện tăng dẫn đến giá điện hợp đồng PC tăng và (ii) Các nhà máy tham gia thị trường điện thực hiện chào giá tốt.
 - Doanh thu dịch vụ của CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí vượt kế hoạch 48% (571 tỷ đồng) nhờ tích cực tìm kiếm khách hàng trong và ngoài ngành.
 - Lãi từ các công ty liên doanh, liên kết: 52 tỷ đồng.

Các yếu tố làm giảm doanh thu toàn Tổng công ty (537 tỷ đồng):

- Sản lượng điện của các Nhà máy Thủy điện Hòa Na, Nhà máy Thủy điện Đakdrinh giảm so với kế hoạch làm doanh thu giảm (192 tỷ đồng), do yếu tố khách quan về thủy văn lưu vực hồ chứa gặp bất lợi, riêng quý IV/2019 trời mưa rất ít, lưu vực hồ chứa chỉ có lũ nhỏ, không có lũ lớn, việc này dẫn đến thiếu nước để phát điện tháng 11 và tháng 12 so với kế hoạch.
- Doanh thu tài chính, khác giảm 63 tỷ đồng.
- Điều chỉnh giảm doanh thu hợp nhất là 282 tỷ đồng (không tính trong kế hoạch).

Có thể thấy, việc gia tăng doanh thu năm 2019 chủ yếu do các yếu tố khách quan (tăng sản lượng huy động từ A0 do thiếu hụt điện năng của toàn hệ thống điện, do giá nhiên liệu tăng và từ việc huy động chạy dầu) nhiều hơn yếu tố nội tại của Công ty (ví dụ: chào giá hiệu quả trên thị trường,...).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện / kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019/ 2018
I	LỢI NHUẬN TOÀN TCT	Tỷ đồng					-
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.492	2.500	3.165	126%	126%
1.1	Lợi nhuận trực tiếp của Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.404	1.697	2.183	129%	155%
1.2	Lợi nhuận các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	1.063	803	930	116%	87%
	CTCP ĐLĐK Nhơn Trạch 2	Tỷ đồng	824	706	797,4	113%	97%
	CTCP Thủy điện Hòa Na	Tỷ đồng	221	56	72,6	129%	33%
	CTCP Thủy điện Đakdrin	Tỷ đồng	-39	0,07	-13	-17427%	-
	CTCP ĐLĐK Bắc Kạn	Tỷ đồng	1	0,10	2,5	2504%	310%
	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật ĐLĐK	Tỷ đồng	21	3	18,4	611%	88%
	CTCP Máy – Thiết bị Dầu khí	Tỷ đồng	35	37	44	117%	125%
	Điều chỉnh lợi nhuận hợp nhất	Tỷ đồng	25		8	-	34%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.288	2.275	2.855	125%	125%
II	LỢI NHUẬN CÔNG TY MẸ	Tỷ đồng					-
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.663	2.086	2.197	105%	83%
1.1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	2.654	2.086	2.193	105%	83%
1.2	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	9	0	4	-	44%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.501	1.897	1.940	102%	78%

(Ghi chú: Các số liệu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 là tổng của 2 giai đoạn: 6 tháng đầu năm 2018 là Công ty TNHH MTV và 6 tháng cuối năm là Công ty Cổ phần.)

- Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty thực hiện năm 2019 tăng so với kế được giao là 665 tỷ đồng, trong đó (i) Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp của Công ty mẹ tăng 486 tỷ đồng; (ii) Lợi nhuận từ các đơn vị thành viên tăng so với kế hoạch 127 tỷ đồng.
- Nguyên nhân dẫn tới lợi nhuận vượt kế hoạch do: Doanh thu các đơn vị toàn Tổng công ty tăng vượt kế hoạch 10% tuy nhiên tổng chi phí chỉ tăng 9% so với kế hoạch. Tổng chi phí tăng chủ yếu tập trung vào chi phí nhiên liệu (khí, than) tăng so với kế hoạch, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí mặc dù chi phí quản lý giảm 6% và chi phí tài chính và chi phí khác giảm 24% so với kế hoạch.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TOÀN TỔNG CÔNG TY NĂM 2019, BẰNG 127% KẾ HOẠCH



3.165

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CÔNG TY MẸ NĂM 2019, BẰNG 105% KẾ HOẠCH



2.197

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ TOÀN TỔNG CÔNG TY NĂM 2019, BẰNG 125% KẾ HOẠCH



2.855

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÔNG TY MẸ NĂM 2019, BẰNG 102% KẾ HOẠCH



1.940

TỶ ĐỒNG

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC



1.506

TỶ ĐỒNG

BẰNG 115% KẾ HOẠCH, 116% NĂM 2018

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TOÀN TỔNG CÔNG TY



948

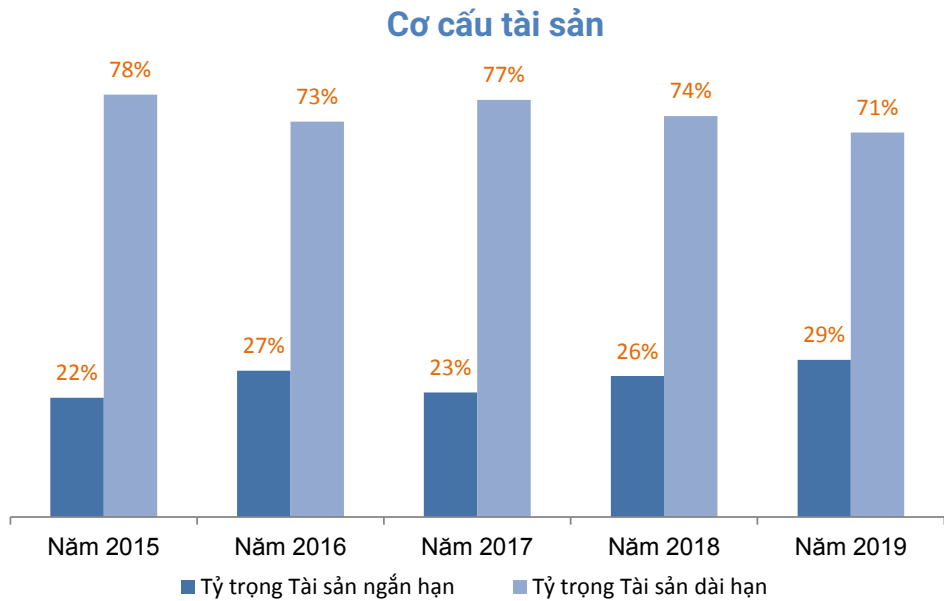
TỶ ĐỒNG

BẰNG 124% KẾ HOẠCH, 135% NĂM 2018

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÔNG TY MẸ



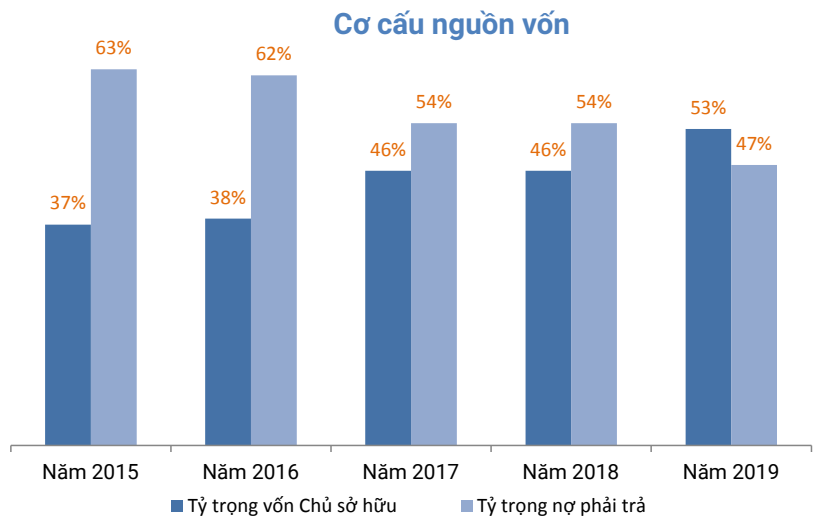
TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Tài sản của PV Power không có sự thay đổi nhiều, cùng với đó, cơ cấu giữa tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn không có nhiều sự xáo trộn. Trong năm 2019, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên 29% so với 26% trong năm 2018 là nhờ đã tăng của các khoản phải thu từ Công ty mua bán điện và các khoản tiền. Tương tự, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm xấp xỉ 5% từ 74% vào năm 2018 xuống còn 71% năm 2019, một phần nguyên do là Tài sản cố định hữu hình giảm dần theo từng năm, phần khác là về việc giảm các chi phí trả trước như chi phí thuê đất, bảo hiểm vận hành nhà máy điện, bảo hiểm khoản vay tín dụng và chi phí sửa chữa Tài sản cố định tại Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	16.016	18.519	13.778	15.251	16.075
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	55.267	51.214	46.805	42.860	39.621
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	71.283	69.732	60.583	58.111	55.696
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn	%	22%	27%	23%	26%	29%
Tỷ trọng Tài sản dài hạn	%	78%	73%	77%	74%	71%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ



Cơ cấu nguồn vốn của PV Power cho thấy xu thế thay đổi rõ rệt qua 4 năm từ 2015 đến 2019 trong việc tăng dần tỷ trọng Vốn chủ sở hữu và giảm dần tỷ trọng Nợ phải trả nhằm tăng tính tự chủ về tài chính, nhất là việc giảm những khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn bằng đồng USD.

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		2019/2018 (%)
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	17.570,68	56,14%	17.063,70	65,16%	-2,89%
Nợ dài hạn	13.725,37	43,86%	9.122,69	34,84%	-33,53%
Tổng nợ phải trả	31.296,04	100,00%	26.186,39	100,00%	-16,33%

Về cơ cấu nợ PV Power đang có dấu hiệu giảm khoản nợ dài hạn cả về tỷ trọng lẫn giá trị trong khi các khoản nợ ngắn hạn được duy trì ổn định về mặt giá trị. Vào năm 2019, tỷ trọng nợ dài hạn giảm từ 43,86% xuống còn 34,84% tương đương giảm từ 13,7 tỷ xuống còn 9,1 tỷ, trong đó khoản vay bằng đồng USD giảm hơn 4.600 tỷ đồng. Nợ phải trả giảm 6,84% và Vốn điều lệ không hề thay đổi, trong khi Vốn chủ sở hữu tăng gần 7% trong năm 2019, vượt trội hoàn toàn so với mức 3,28% và 3,46% trong các năm 2018, 2017. Nguồn tài trợ chính cho sự tăng trưởng trong vốn chủ sở hữu của PV Power đến từ mức tăng trưởng hơn 24% của Lợi nhuận sau thuế.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Thường xuyên nghiên cứu, rà soát để kiện toàn lại mô hình tổ chức, bộ máy theo hướng hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh và theo đúng định hướng phát triển của Tổng công ty. Chức năng, nhiệm vụ Văn phòng/các Ban chức năng cũng thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.
- Trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-ĐLĐK ngày 30/01/2019 của Hội đồng quản trị, Tổng công ty đã hoàn thành công tác kiện toàn bộ máy tổ chức của các Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP theo hướng gọn nhẹ, phù hợp và thống nhất chung cho các đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy điện (bao gồm Chi nhánh PV Power Ha Tinh, PV Power Ca Mau, PV Power NT).
- Triển khai thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật kịp thời đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.
- Chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, Giám đốc các đơn vị trực thuộc tổ chức rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của đơn vị trên cơ sở hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty và phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.



QUẢN TRỊ CHUYÊN NGHIỆP TỐI ƯU CHI PHÍ CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH CHỈ TIÊU



Những nền tảng, kinh nghiệm tích lũy được trong năm 2019 sẽ là động lực để PV Power bước vào năm 2020 với những bước chuyển mình để bứt phá



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 và các tháng đầu năm 2020 của các đơn vị, Kế hoạch SXKD năm 2020 của PV Power sẽ trình ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua gồm các nội dung chính sau:

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH



**TỔNG SẢN LƯỢNG ĐIỆN
SẢN XUẤT NĂM 2020**

21,6
TỶ KWH

- Phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, Vinacomin, PVGas trong công tác quản lý vận hành và sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện của PV Power, huy động tối đa công suất, đủ nguồn khí/than để sản xuất và đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các Nhà máy điện: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2, Hủ Na, Đakđrinh, Vũng Áng 1.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường. Đồng thời triển khai các công việc để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

- Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện: Trung tu B3 tổ máy GT11 Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 kết hợp tiểu tu lò 11; trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Đakđrinh; tiểu tu Nhà máy điện Hủ Na, khắc phục bất thường tại Nhà máy điện Vũng Áng 1 trong năm 2020 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện năm 2021.
- Tập trung trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của PV Power theo mô hình Công ty cổ phần thành công, hiệu quả. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Thực hiện cung cấp than ổn định, liên tục, dài hạn và triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt.
- Làm việc với EVN/EPTC hoàn thành sửa đổi PPA của Nhà máy điện Cà Mau 1&2 về chuyển đổi đơn giá phí công suất từ USD sang VNĐ và chuẩn bị cho nhà máy tham gia thị trường điện cạnh tranh.
- Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và vật tư cho hợp đồng EPC để tồn kho ở mức hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD.
- Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của PV Power trước và sau cổ phần hóa để đưa ra giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị cũng như hiệu quả đầu tư vốn của PVN và PV Power.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện. Đối với các Nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cắt lũ và đảm bảo thủy lợi.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

- Tổ chức thực hiện tốt các công tác chuẩn bị đầu tư, hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án, thu xếp vốn, phê duyệt FS và lựa chọn nhà thầu tư vấn quản lý dự án, tổng thầu dự án (EPC), các phần việc liên quan đến chuẩn bị mặt bằng và hạ tầng thi công, phấn đấu khởi công Dự án đầu tư Nhà máy điện Nhơn Trạch 3, Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 vào đầu năm 2021.
- Chuẩn bị các thủ tục bổ sung dự án Nhà máy điện khí Cà Mau 3 vào quy hoạch điện, triển khai lập FS dự án sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt dự án bổ sung vào quy hoạch điện và chấp thuận báo cáo tiền khả thi dự án.
- Tiếp tục triển khai hợp tác đầu tư dự án Thủy điện Luang Prabang sau khi được các cấp thẩm quyền thông qua hồ sơ FS của dự án và bộ cơ chế đặc thù triển khai dự án.
- Nghiên cứu cơ hội đầu tư các dự án mới.

CÔNG TÁC CỔ PHẦN HÓA, TÁI CẤU TRÚC

- Đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp của PV Power, rà soát sắp xếp tổ chức gọn doanh nghiệp theo hướng tinh nhuệ. Tiếp tục rà soát sửa đổi và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp.
- Thực hiện thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án được phê duyệt, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.
- Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power.

CÔNG TÁC KHÁC

- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể.
- Thực hiện các công việc khác được Tập đoàn giao.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CƠ SỞ XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

CƠ SỞ XÂY DỰNG

- Căn cứ công suất khả dụng của các Nhà máy điện, dự báo tình hình thủy văn, dự báo nhu cầu phụ tải điện quốc gia; kế hoạch cấp nhiên liệu (khí/than)/sử dụng nhiên liệu (khí/than); kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện; kế hoạch 5 năm 2016-2020 của PV Power và tình hình thực hiện thực tế của PV Power trong 3 năm gần nhất.
- Các văn bản/quy định của Nhà nước về thị trường điện, chính sách thuế, tài chính kế toán,...; các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN/EPTC; các hợp đồng mua bán nguyên nhiên vật liệu ký kết với PV Gas/Vinacomin,...; các hợp đồng vay vốn, định mức kinh tế kỹ thuật,...
- Giá dầu 60 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 23.500 VNĐ.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
Sản lượng điện		
Toàn Tổng công ty	Triệu kWh	21.600,0
Công ty mẹ	Triệu kWh	15.917,7
Doanh thu		
Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	35.448,6
Công ty mẹ	Tỷ đồng	26.101,4
Lợi nhuận trước thuế		
Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	2.395,0
Công ty mẹ	Tỷ đồng	2.236,6
Lợi nhuận sau thuế		
Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	2.043,8
Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.924,4
Nộp NSNN		
Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	1.424,4
Công ty mẹ	Tỷ đồng	872,3
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu	%	7,2
Tỷ lệ chia cổ tức	%	3%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	786,6
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	726,0
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	60,6
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	786,6
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	786,6
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-

Năm 2020, PV Power - Công ty mẹ dự kiến triển khai chuẩn bị/xúc tiến đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 (dự án nhóm A), dự án Nhà máy điện Cà Mau 3, dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Tổng công ty và các dự án khác; triển khai mua sắm trang thiết bị cho phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực SXKD,...

KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN MỘT SỐ DỰ ÁN CỤ THỂ

STT	Nội dung	Giá trị	Nguồn vốn		
			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Bổ sung Vốn điều lệ
I	Chuẩn bị và thực hiện đầu tư các dự án tại Công ty mẹ	726,0	726,0	0,0	0,0
1	Dự án NMT Nhơn Trạch 3&4	296,0	296,0	0,0	0,0
2	Dự án NMT Cà Mau 3	15,0	15,0	0,0	0,0
3	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Tổng công ty	400,0	400,0	0,0	0,0
4	Xúc tiến đầu tư các dự án khác	15,0	15,0	0,0	0,0
Mua TTB phục vụ hoạt động					
II	SXKD (cho Văn phòng TCT, các NMT)	60,6	60,6	0,0	0,0
Tổng cộng		786,6	786,6	0,0	0,0



04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng Quản trị
về mọi mặt của Tổng Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Năm 2019 là một năm khó khăn đối với PV Power: thiếu than trong sản xuất trong 6 tháng đầu năm tại Nhà máy điện Vũng Áng 1; lượng khí và nhiệt trị khí cấp cho Nhà máy điện Cà Mau không đảm bảo cho nhà máy vận hành ổn định, đáp ứng huy động của A0, sản lượng khí cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện khí khu vực Đông Nam Bộ suy giảm; sản lượng điện Hợp đồng (Qc) các Nhà máy điện tham gia thị trường điện được Cục Điều tiết Điện lực giao thấp hơn kế hoạch được thông qua; hiện tượng El Niño trở lại trên diện rộng, lượng nước về hồ thủy điện thấp dẫn tới các nhà máy thủy điện không có nước để vận hành làm giảm hiệu quả phát điện của các nhà máy thủy điện; PV Power chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ tháng 07/2018, nhiều tích lũy tài chính giai đoạn trước đã nộp về nhà nước; vướng mắc công nợ với EVN chưa được tháo gỡ...

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

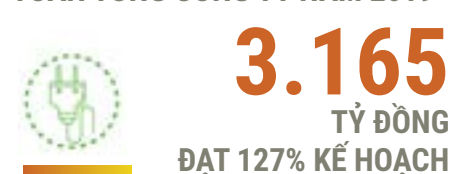
Với sự quyết tâm, nỗ lực và đoàn kết của tập thể Lãnh đạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, sự hỗ trợ từ các cấp, đơn vị trong và ngoài ngành, sự giám sát chặt chẽ và ủng hộ từ các cổ đông, sự đoàn kết của toàn thể CBCNV, PV Power đã đạt được một số kết quả như sau:

Quản lý kỹ thuật, vận hành sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện ổn định, an toàn tuyệt đối; đáp ứng yêu cầu huy động của A0, tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường, tham gia thị trường điện đạt kết quả cao; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả thực hiện một số các chỉ tiêu chính như sau:

DOANH THU TOÀN TỔNG CÔNG TY



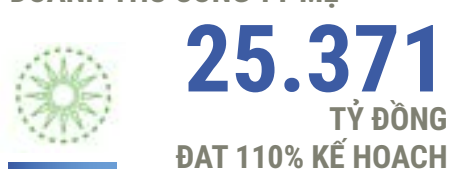
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TOÀN TỔNG CÔNG TY NĂM 2019



LỢI NHUẬN SAU THUẾ TOÀN TỔNG CÔNG TY NĂM 2019



DOANH THU CÔNG TY MẸ



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CÔNG TY MẸ



LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÔNG TY MẸ NĂM 2019



TỔNG TÀI SẢN TOÀN TỔNG CÔNG TY

Công tác quản lý kỹ thuật, vận hành sản xuất thực hiện tốt, an toàn và chất lượng; công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ tại các nhà máy điện thực hiện đạt và hoàn thành trước tiến độ đã đảm bảo thiết bị khả dụng cao, vận hành ổn định, an toàn tuyệt đối, cụ thể: trung tu Nhà máy Thủy điện Hòa Bình vượt tiến độ kế hoạch 04 ngày; Trung tu tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1 hoàn thành đúng tiến độ; Tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 vượt tiến độ từ 11 giờ đến 2 ngày; Tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt tiến độ hơn 2 ngày; Tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 1&2 hoàn thành đúng tiến độ.

Công tác đầu tư xây dựng

- Năm 2019, PV Power thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị, tài sản tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty. Các dự án trọng điểm mà Tổng công ty đã và đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư:
 - Dự án Thủy điện Luang Prabang: Hoàn thành công tác xây dựng bộ cơ chế đặc thù trình Chính phủ cùng với FS của Dự án thủy điện Luang Prabang và chủ động rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về nội dung liên quan đến đề xuất nguồn vốn của PV Power để thực hiện dự án.
 - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3&4: Hoàn thành công tác trình Chính phủ thông qua/phê duyệt Pre-FS dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27/2/2019 của Thủ Tướng Chính Phủ), hoàn thành lựa chọn các nhà thầu tư vấn trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án (lập FS, thẩm định FS...), hoàn thành việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (FS) và trình Bộ Công thương thẩm định thiết kế cơ sở vào ngày 26/12/2019, đồng thời trình các Bộ Ngành thẩm định các báo cáo chuyên ngành.
 - Nhằm tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo, PV Power đã tập trung nghiên cứu

phương án phát triển chuỗi dự án kho chứa LNG Cà Mau và NMD Cà Mau 3; dự án NMD sử dụng LNG tại Quảng Ninh, Kiên Giang và nghiên cứu cơ hội đầu tư dự án NMD Năng lượng mặt trời nổi tại hồ thủy điện Hòa Bình, Đakrinh...

Nỗ lực thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư và giải quyết một số tồn tại ở các dự án đã và đang thực hiện đầu tư (Dự án Thủy điện Hòa Bình, Dự án Thủy điện Đakrinh).

Công tác quyết toán cổ phần hóa, công tác tái cấu trúc

- Về công tác quyết toán cổ phần hóa: Hoàn thành Báo cáo quyết toán cổ phần hóa và có Tờ trình số 1432/TTr-ĐLĐK ngày 28/6/2019 gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần).
- Thực hiện thoái toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn theo hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán với giá 10.900 đồng/CP (Giá trị thu hồi đạt 88,63 tỷ đồng), đảm bảo tuân thủ pháp luật, công khai, minh bạch và bảo toàn vốn.
- Hoàn thành xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý nội bộ phục vụ công tác điều hành, quản lý Tổng công ty phù hợp với mô hình công ty cổ phần; sắp xếp nhân sự và kiện toàn chức năng nhiệm vụ của các ban Tổng công ty; đồng thời kiện toàn mô hình tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí (trước là Công ty Nhập Khẩu và Phân phối than Điện lực Dầu khí) để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo) ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY

PV Power luôn coi con người là yếu tố cốt lõi để phát triển doanh nghiệp. Tính đến 31/12/2019, toàn Tổng công ty có 189 lao động có trình độ trên đại học (chiếm 8,77%); 1.289 lao động trình độ đại học (chiếm 59,79%); cao đẳng, trung cấp: 336 người (chiếm 15,58%);... Các chế độ chính sách đối với người lao động được Tổng công ty thực hiện đầy đủ, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

- PV Power đã xây dựng quy chế tiền lương mới phù hợp với yêu cầu phát triển và triển khai thí điểm tại Cơ quan Tổng công ty và PV Power NT, tiến tới triển khai cho toàn Công ty Mẹ.

- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân

lực được Tổng công ty đặc biệt quan tâm. Năm 2019, Tổng công ty đã cử 3.022 lượt người tham gia các khóa đào tạo dài hạn, ngắn hạn bao gồm các chương trình đào tạo: chuyên sâu về kỹ thuật, vận hành bảo dưỡng các nhà máy điện, nâng bậc, trưởng ca, trưởng kíp, đầu tư, kinh tế tài chính, ngoại ngữ, an toàn sức khỏe... nhằm nâng cao chất lượng công việc thực tế.

- Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động, đã quan tâm và tạo điều kiện tốt để các tổ chức đoàn thể hoạt động, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động hữu ích nhằm nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe, động viên khuyến khích người lao động hăng say, trách nhiệm và gắn bó với đơn vị.

Công tác khoa học, công nghệ

- Thành lập Hội đồng Khoa học công nghệ Tổng công ty nhiệm kỳ 2019-2023 tại quyết định số 120/QĐ-ĐLĐK ngày 28/2/2019; Kiện toàn nhân sự Hội đồng tại Quyết định số 807/QĐ-ĐLĐK ngày 15/7/2019; Xây dựng mới các thủ tục/văn bản/quy định liên quan đến lĩnh vực Khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để phù hợp với mô hình kinh doanh của Tổng công ty.

- Đã có 11 đề tài được Hội đồng khoa học công nghệ đề xuất thực hiện trong năm 2019 - 2020. Hội đồng Khoa học công nghệ đã họp để xem xét các vấn đề như: Các giải pháp kỹ thuật nhằm tối ưu hóa công tác vận hành Nhà máy điện Vũng Áng 1; Nghiên cứu khả năng sử dụng chung hạ tầng Trung tâm Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch và phương án cung cấp khí LNG đáp ứng nhu cầu khí cho Nhà máy điện Cà Mau; Đánh giá "Báo cáo nghiên cứu dự án điện mặt trời trên lòng hồ thủy điện Hòa Na và thủy điện Đakđrinh"...



Công tác lao động, tiền lương, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

**TỔNG SỐ LAO ĐỘNG NĂM 2019
TOÀN TỔNG CÔNG TY
TÍNH ĐẾN 31/12/2019**

2.156

Công tác quản lý và quan hệ cổ đông

- PV Power đã hoàn thành công tác chuyển sàn giao dịch cổ phiếu POW sang sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) ngày 14/01/2019; Tuy là cổ phiếu mới niêm yết, nhưng với việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của các quỹ đầu tư tài chính quốc tế, năm 2019 POW lần lượt được các Quỹ VNM ETF, FTSE Vietnam ETF và rổ chỉ số MSCT Frontier Markets Index bổ sung vào danh mục, PV Power được vinh danh "50 công ty niêm yết tốt nhất năm 2019" do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.

- PV Power đã thực hiện tốt công tác công bố thông tin, công tác truyền thông cổ phiếu POW ra công chúng và quản lý thông tin trên website của PV Power đảm bảo đúng quy định của công ty đại chúng; chủ động cung cấp thông tin và giải đáp thắc mắc về các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD của Tổng công ty đến các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, cổ đông...

Công tác an toàn sức khỏe lao động

- Năm 2019, Tổng công ty đã phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ ở các nhà máy điện. Với việc nghiêm túc thực hiện các chương trình, kế hoạch đặt ra, tuân thủ các quy định cũng như phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, kết quả là các nhà máy điện hoạt động sản xuất an toàn tuyệt đối, không vi phạm quy định về môi trường, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người, tài sản cũng như uy tín của PV Power.

- Công tác An sinh xã hội: Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Power cũng luôn quan tâm đến các hoạt động an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện và khả năng của PV Power.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT; xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc để mỗi người có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tổng công ty và các cổ đông.

- Với vai trò là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành, Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xây dựng quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tháng với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị, các Ban chức năng Tổng công ty, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

- Bên cạnh việc tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất với HĐQT tổ chức các cuộc họp chuyên đề, trao đổi với Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm báo cáo, đánh giá, rà soát các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty, báo cáo HĐQT kịp thời các vấn đề phát sinh về thẩm quyền, phân cấp trong quá trình điều hành. Căn cứ yêu cầu SXKD, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự, kỹ thuật, thương mại... nhằm hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch SXKD năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

- Ban Tổng giám đốc thường xuyên làm việc với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác SXKD theo định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình SXKD và đầu tư của từng đơn vị trong Tổng công ty.

- Tổng giám đốc đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, xây dựng phương án trả lương mới để đảm bảo tính công bằng và tương xứng với công sức người lao động đóng góp cho doanh nghiệp, khuyến khích người lao động nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của Tổng công ty.

- Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục tạo điều kiện và phối hợp tốt với các tổ chức Đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các hoạt động thi đua SXKD, văn hóa văn nghệ, uống nước nhớ nguồn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CHUNG



Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên trách với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế làm việc của HĐQT; Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban điều hành triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2020.



Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, tham gia các cuộc họp giao ban, các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc để kịp thời xử lý công việc.



Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các nghị quyết/ quyết định/ chỉ thị của HĐQT và các cấp có thẩm quyền.



Tăng cường phân cấp cho Tổng giám đốc, nâng cao tính chủ động của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty để đáp ứng nhu cầu thực tế sản xuất và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp.



Tăng cường thực hiện công tác giám sát, quản trị rủi ro đối với hoạt động của Tổng công ty và các công ty thành viên.



Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty theo hướng tinh, gọn, hiệu quả; có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.



Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác môi trường – xã hội, sử dụng năng lượng xanh vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO CỤ THỂ



CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020
Sản lượng điện	Tỷ kWh	21,6
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	35.448,6
Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.395,0

- Chỉ đạo công tác quản lý vận hành sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, an toàn, hiệu quả các Nhà máy điện. Phấn đấu Tổng sản lượng điện sản xuất cả năm 2020 đạt mức 21,6 tỷ kWh, Tổng doanh thu đạt 35,5 ngàn tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 2,1 ngàn tỷ đồng, Nộp NSNN 1,4 ngàn tỷ đồng.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động SXKD các Nhà máy điện khi tham gia thị trường. Đồng thời triển khai các bước công việc tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Chỉ đạo công tác sửa chữa định kỳ các NMD: Trung tu B3 tổ máy GT11 Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 kết hợp tiểu tu lò 11, Trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Trung tu Nhà máy Thủy điện Đakdrinh, Tiểu tu Nhà máy Thủy điện Hủa Na và khắc phục bất thường tại Nhà máy điện Vũng Áng 1 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Chuẩn bị tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện năm 2021.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các bộ phận liên quan thực hiện việc thu hồi công nợ từ EVN/EPTC và sửa đổi PPA của NMD Cà Mau 1&2 về chuyển đổi đơn giá phí công suất từ USD sang VNĐ và chuẩn bị cho nhà máy tham gia thị trường điện cạnh tranh trong thời gian tới.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các đơn vị liên quan đảm bảo cấp than ổn định, liên tục và dài hạn cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; triển khai tốt công tác tiêu thụ, xử lý tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, ổn định lâu dài cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các bộ phận liên quan thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Tập trung chỉ đạo dự án trọng điểm của Tổng công ty: Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 (phê duyệt FS, thu xếp vốn, lựa chọn nhà thầu EPC, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện khởi công dự án...); dự án Nhà máy điện Cà Mau 3, dự án Miền Trung 1&2; dự án thủy điện Luang Prabang (cơ chế đặc thù, thu xếp vốn...); đầu tư xây dựng trụ sở Tổng công ty (Lựa chọn địa điểm, hình thức đầu tư, xây dựng phương án cân đối/thu xếp vốn); Xúc tiến các Dự án Nhà máy điện Cà Mau 3 và cung cấp khí LNG cho cụm Nhà máy điện Cà Mau, Nhơn Trạch, Dự án LNG Quảng Ninh và LNG Phú Quốc; Tiếp tục nghiên cứu cơ hội đầu tư các dự án mới để phát triển.



CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục rà soát, sửa đổi và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, đảm bảo giải quyết công việc nhanh gọn, hiệu quả, đúng quy định; tăng cường công tác quản trị đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Ban chức năng của Tổng công ty, giữa các đơn vị với các Ban chức năng và giữa các đơn vị với nhau trong quá trình hoạt động SXKD; việc tuân thủ của Người đại diện đối với các chỉ đạo của Tổng công ty; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm của người đại diện tại đơn vị; việc thực hiện các quy chế quy định nội bộ của đơn vị và chỉ đạo, quy định của Tổng công ty.
- Tập trung chỉ đạo trong công tác quản trị, kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường sự tiếp cận thông tin của cổ đông; nâng cao chất lượng thông tin được công bố, đặc biệt tập trung vào báo cáo thường niên của doanh nghiệp niêm yết; tạo điều kiện cho cổ đông thiểu số, đặc biệt là cổ đông nước ngoài trong việc thực hiện quyền cho cổ đông; có các phương án phòng tránh và xử lý các xung đột lợi ích; thúc đẩy các hoạt động về môi trường, xã hội và người lao động; tăng chế tài, xử phạt các vi phạm.



CÔNG TÁC TÁI CẤU TRÚC, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

- Hoàn thành quyết toán cổ phần hóa PV Power.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp của PV Power, rà soát sắp xếp tổ chức doanh nghiệp theo hướng tinh nhuệ.
- Thực hiện công tác thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo kế hoạch được phê duyệt, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.



CÔNG TÁC KHÁC

- Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện và khả năng của Tổng công ty.
- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động; tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể; đảm bảo cung cấp than và khí.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch và thù lao

Tăng cường quản trị Công ty

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
A Thành viên đương nhiệm						
1	Hồ Công Kỳ	Chủ tịch	26/6/2018	18	100	
2	Lê Như Linh	Thành viên Kiểm TGD	01/12/2018	17	94,4	Đi công tác
3	Nguyễn Hữu Quý	Thành viên	26/6/2018	17	94,4	Đi công tác
4	Phạm Xuân Trường	Thành viên	26/6/2018	16	89	Đi công tác
5	Vũ Thị Tố Nga	Thành viên	19/4/2019	14	100 (kể từ ngày trúng cử)	Ngày 19/4/2019 trúng cử thành viên HĐQT
6	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	19/4/2019	12	86 (kể từ ngày trúng cử)	Đi công tác (Ngày 19/4/2019 trúng cử thành viên HĐQT)
B Thành viên đã mãn nhiệm						
1	Vũ Huy An	Thành viên HĐQT	26/6/2018 đến 19/4/2019	01	100 (thời gian đương nhiệm)	Nghỉ hưu từ ngày 01/02/2019; Ngày 19/4/2019 miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	52/NQ-ĐHĐCĐ	19/4/2019	Thông qua các nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của PV Power.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 18 cuộc họp, ban hành 40 Nghị quyết/Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2019 của Tổng công ty theo quy định pháp luật và điều lệ Tổng công ty.
- Định kỳ hàng quý, HĐQT đã tổ chức các phiên họp, đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ thông qua. Giữa các phiên họp định kỳ, HĐQT đã thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức họp chuyên đề/xin ý kiến bằng văn bản nhằm đáp ứng tiến độ công việc. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, tạo điều kiện để Ban Tổng giám đốc chủ động trong công tác điều hành hoạt động SXKD trong năm 2019.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

- Ngày 19/04/2019 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, ĐHĐCĐ đã bầu bà Nguyễn Hoàng Yến làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- Trong năm 2019, thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò thành viên độc lập HĐQT trong việc bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt bảo vệ lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Tổng công ty.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Căn cứ quy định tại Điều 17 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ tổ chức và hoạt động của PV Power và quy chế nội bộ về quản trị công ty của PV Power thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) thông qua việc:

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 18 cuộc họp Hội đồng quản trị; Chủ trì, đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức nhân sự, tái cấu trúc... của Tổng công ty; Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty.
- Xem xét các báo cáo, các đề xuất đánh giá của Ban Kiểm soát và từ bộ phận giúp việc về hoạt động của PV Power và các đơn vị thành viên.
- Trao đổi, làm rõ, yêu cầu giải trình đối với Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; đồng thời phân cấp, phân định trách nhiệm rõ ràng giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phù hợp với các quy định hiện hành.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Vũ Quốc Hải	Trưởng ban	26/06/2018	15	100%	
2	Lý Thị Thu Hương	Thành viên	26/06/2018	15	100%	
3	Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên	26/06/2018	15	100%	
4	Hà Thị Minh Nguyệt	Thành viên	19/4/2019	10	100%	Bầu bổ sung từ 19/4/2019

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát

Năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức triển khai hoạt động theo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - CTCP, cụ thể như sau:

Tổ chức 15 cuộc họp của Ban kiểm soát triển khai các nội dung: Thực hiện Phân công nhiệm vụ năm 2019 (sau khi bổ sung kiểm soát viên); Lập kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; Thảo luận và thống nhất nội dung và đánh giá kết quả công tác và kết quả kiểm soát tại các đơn vị trước khi gửi tới Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Tổng công ty theo quy trình đã ban hành. Nội dung, kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát đều được các thành viên (4/4) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua.

- Giám sát thường xuyên:** Ban kiểm soát đã giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh; các chỉ tiêu tài chính; bảo toàn và phát triển vốn; giám sát việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp thực hiện tiết giảm chi phí; giám sát việc thực hiện tuân thủ pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty; giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành hoạt động SXKD.

- Giám sát định kỳ:** Thực hiện thẩm định BCTC năm 2018 của công ty mẹ Tổng công ty rà soát và phân tích một số chỉ tiêu tài chính trên BCTC năm 2018 của các đơn vị thành viên; Giám sát việc thực hiện kiểm kê tài sản tại thời điểm 0h ngày 01/01/2019 và xử lý kết quả kiểm kê theo quy định; Giám sát công tác thu hồi công nợ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên; Giám sát công tác quyết toán vốn đầu tư dự án của Thủy điện Hòa Na, Thủy điện Đắkdrink, công tác quyết toán chi phí bảo dưỡng sửa chữa định kỳ tại Nhiệt điện than Vũng Áng 1; Giám sát hoạt động tài chính và việc chấp hành các chế độ Tài chính kế toán theo quy định của Luật kế toán, bảo toàn vốn và hoạt động có hiệu quả của doanh nghiệp; giám sát công tác thương mại và quản lý các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, các hợp đồng khác trong mọi hoạt động của Tổng công ty; Giám sát công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp; giám sát Giá thành điện các nhà máy; Giám sát tình hình thực hiện các ĐMKTKT 2019, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019; Giám sát TCNS, LDTL, quỹ lương và quỹ KTPL; Giám sát việc xây dựng và giao kế hoạch 2020; Giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển của TCT theo quyết định đã được phê duyệt; Phối hợp với HĐQT chủ trì lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập BCTC thường niên theo quy định của Pháp luật, Thẩm định BCTC quý 3 của TCT; Làm việc cùng kiểm toán độc lập về kiểm toán BCTC năm 2019.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

- Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác tái cấu trúc, cổ phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, kiện toàn bộ máy tổ chức tại các đơn vị thành viên, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương, thưởng tại các đơn vị thành viên và Tổng công ty, thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định, công văn liên quan đến mọi mặt hoạt động điều hành sản xuất tại TCT.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định (tuy hơi muộn vào cuối quý) hoặc đột xuất để xử lý những đề xuất hoặc vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Tổng giám đốc Tổng công ty đã tổ chức các cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ (mỗi tháng 1 lần) để chỉ đạo hoạt động của Tổng Công ty, triển khai các Nghị quyết, Quyết nghị của Tập đoàn DKVN, ĐHĐCĐ và của Hội đồng quản trị. Ngoài ra đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty.
- Công tác ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhìn chung phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền. Chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Sự phối hợp hoạt động giám sát của BKS với HĐQT và Ban Tổng giám đốc

- Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp HĐQT thường kỳ hàng quý theo quy định, tham gia các cuộc họp đột xuất của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến về nội dung, chất lượng, kết quả các hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và những vấn đề được xin ý kiến. Đồng thời đã đưa ra các kiến nghị, giải pháp, đề xuất nhằm xử lý các tồn tại bất cập, đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đơn vị được kiểm toán biết nội dung chi tiết, thời gian và địa điểm kiểm soát để Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc biết và phối hợp với Ban kiểm soát.
- Kết thúc các hoạt động kiểm soát, Ban kiểm soát đã tổng hợp đánh giá nhận xét, đề xuất kiến nghị trực tiếp về từng nội dung kiểm soát, từng đối tượng kiểm soát. Kịp thời thông tin những nội dung và kết quả kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để cùng phối hợp xử lý nhằm vì mục tiêu phát triển chung của Tổng công ty.
- Ban kiểm soát tuyệt đối tuân thủ các quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động kiểm soát và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát, hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật khi triển khai hoạt động của mình.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo đầy đủ các điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra. Tổ chức tiếp nhận thông tin, kết quả hoạt động của Ban kiểm soát ngay sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm soát. Triển khai chỉ đạo các đối tượng kiểm soát khắc phục và/hoặc chấn chỉnh theo những đề xuất kiến nghị mà Ban kiểm soát đã nêu ra.

Các hoạt động khác của Ban kiểm soát

Ngoài việc hoạt động theo quy định của Pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty, các kiểm soát viên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề do Tổng công ty tổ chức nhằm tự nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng. Tham gia các chuyến công tác tìm hiểu thị trường, học tập kinh nghiệm của các đối tác trong mô hình quản lý các nhà máy điện và thị trường điện. Tham gia các chương trình , khóa học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ do Tổng công ty tổ chức. Tham gia các sự kiện khác do các tổ chức chính trị xã hội của Tập đoàn, của Tổng công ty tổ chức.

GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thu nhập (Bao gồm tiền lương và các khoản khác)
1	Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch HĐQT	1.222.934.903	1.331.128.028
2	Ông Lê Như Linh	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	1.222.934.903	1.287.450.528
3	Ông Nguyễn Hữu Quý	Thành viên HĐQT	1.087.053.247	1.190.321.372
4	Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT	1.087.053.247	1.189.621.372
5	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	666.338.343	800.830.636
6	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên độc lập HĐQT	679.415.152	815.542.045
7	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng giám đốc	1.087.053.247	1.197.621.372
8	Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc	1.087.053.247	1.189.621.372
9	Ông Phan Đại Thành	Phó Tổng giám đốc	1.087.053.247	1.189.621.372
10	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng giám đốc	1.087.053.247	1.189.621.372
11	Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng giám đốc	1.087.053.247	1.189.621.372
12	Ông Phan Ngọc Hiến	Phó Tổng giám đốc	282.500.000	300.500.000
13	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng giám đốc	268.235.931	286.235.931
14	Ông Vũ Quốc Hải	Trưởng Ban kiểm soát	1.087.053.247	1.190.321.372
15	Bà Vũ Thị Ngọc Dung	Kiểm soát viên	966.269.553	1.071.837.678
16	Bà Lý Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	966.269.553	1.071.837.678
17	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng, Kiểm soát viên	990.611.255	1.098.679.380
18	Ông Chu Quang Toàn	Phụ trách công tác TCKT - Phó Trưởng ban phụ trách Ban TCKT&KT	623.979.407	673.979.407
19	Ông Vũ Huy An	Nguyên Thành viên HĐQT (đã nghỉ hưu)	115.537.662	170.805.787
20	Ông Hoàng Văn Nghiệp	Nguyên Phó Tổng Giám đốc (đã nghỉ hưu)	804.533.247	890.821.372

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số CP sở hữu đầu kì		Số CP sở hữu cuối kì		Lý do tăng, giảm
		Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Ngọc Hà - Người được ủy quyền công bố thông tin	26.800	0,0011%	16.800	0,0007%	Đáp ứng nhu cầu tài chính cá nhân
2	Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn (Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan không còn là cổ đông lớn: 07/10/2019)	118.309.740	5,0517%	117.037.310	4,9974%	Cơ cấu danh mục sở hữu
2.1	Amersham Industries Limited	16.655.470	0,7112%	16.585.470	0,7082%	
2.2	Norges Bank	29.860.000	1,2750%	29.690.000	1,2678%	
2.3	Aquila SPC Ltd	10.659.740	0,4551%	10.659.740	0,4551%	
2.4	Wareham Group Limited	8.624.530	0,3683%	8.307.100	0,3547%	
2.5	KB Vietnam Focus Balanced Fund	2.815.000	0,1202%	2.560.000	0,1093%	
2.6	Auriga SPC Ltd	6.600.000	0,2818%	6.600.000	0,2818%	
2.7	Vela SPC Ltd	11.550.000	0,4931%	11.550.000	0,4931%	
2.8	Hanoi Investments Holdings Limited	12.215.000	0,5216%	12.215.000	0,5216%	
2.9	Saigon Investments Limited	6.615.000	0,2825%	6.615.000	0,2825%	
2.10	Danang Investments Limited	3.780.000	0,1614%	3.780.000	0,1614%	
2.11	DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	3.935.000	0,1680%	3.775.000	0,1612%	
2.12	Quena Ltd	5.000.000	0,2135%	4.700.000	0,2007%	

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Tổng công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2018, ngày 31/08/2018 chính thức trở thành công ty đại chúng và cổ phiếu POW chính thức được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 14/01/2019.
- Cơ cấu điều hành và quản trị công ty được thiết lập và tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Hội đồng quản trị Tổng công ty đã bổ nhiệm Người Phụ trách quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP vào ngày 14/10/2019.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đã có thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

- Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, đội ngũ quản trị của Tổng công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động SXKD của Tổng công ty.

TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2019, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần đã tổ chức các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định cho các đối tượng là Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác, Người Phụ trách quản trị Tổng công ty, các thư ký Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc, cụ thể:

- Khóa đào tạo “Nâng cao năng lực quản trị tại các công ty cổ phần trong ngành Dầu khí”;
- Khóa đào tạo “Quản trị công ty” cho cán bộ quản lý Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác, Người Phụ trách quản trị Tổng công ty, các thư ký Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc đã tham gia đào tạo và được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số chứng chỉ hoàn thành khóa học	Đơn vị đào tạo
1	Hồ Công Kỳ	Chủ tịch HĐQT	Số 01QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
2	Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Số 19QTC 48/QĐ-TTNC, ngày cấp: 10/4/2017; Số 05QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
3	Nguyễn Hữu Quý	Thành viên HĐQT	Số 01QTC 233/QĐ-TTNC, ngày cấp: 30/9/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
4	Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT	Số 02QTC 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
5	Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	Số 03QTC 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
6	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên độc lập HĐQT	Số 04QTC 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
7	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng giám đốc	Số 06QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
8	Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc	07QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
9	Phan Đại Thành	Phó Tổng giám đốc	08QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
10	Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng giám đốc	09QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
11	Phan Ngọc Hiến	Phó Tổng giám đốc	02QTCT 233/QĐ-TTNC, ngày cấp 30/9/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
12	Nguyễn Kiên	Phó Tổng giám đốc	03QTCT 233/QĐ-TTNC, ngày cấp 30/9/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
13	Vũ Quốc Hải	Phó Tổng giám đốc	11QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
14	Vũ Thị Ngọc Dung	Phó Tổng giám đốc	12QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
15	Lý Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	13QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
16	Hà Thị Minh Nguyệt	Phó Tổng giám đốc	14QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chỉ tiêu phát triển bền vững

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách liên quan đến trách nhiệm với môi trường

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương



CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong năm 2019, tổng **lượng khí thiên nhiên** tiêu thụ của các Nhà máy điện do PV Power trực tiếp vận hành (Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1) là

2.056,541
triệu Sm³ khí

2.616.356 tấn

là tổng **khối lượng than** tiêu thụ của **Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1**.

Tổng khối lượng dầu sử dụng: **78.869,81** tấn DO trong đó:

- Nhà máy điện Cà Mau 1&2: 49.493 tấn DO;
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 1: 20.148,65 tấn DO;
- Nhà máy điện Vũng Áng 1: 9.228,16 tấn DO.

Năm 2019, Nhà máy điện Vũng Áng 1 đã chuyển đổi nhiên liệu phụ từ dầu HFO sang dầu DO nhằm giảm thiểu hàm lượng phát thải khí bụi, SO_x,... đáp ứng các yêu cầu, quy định của môi trường hiện nay.

Nhà máy điện Cà Mau 1&2 tiêu thụ

1.438,80 triệu Sm³ từ nguồn khí Lô PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước theo Hợp đồng mua bán khí số 8679/HĐ-DKVN ký ngày **06/11/2012** với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thỏa thuận mua **khí** bổ sung từ **Malaysia**.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 tiêu thụ

617,741 triệu Sm³ từ các nguồn khí Lô 06.1 và 11.2 (khí Nam Côn Sơn), Lô 05-2 và 05-3 (khí Hải Thạch – Mộc Tinh), Mỏ Thiên Ưng và Mỏ Đại Hùng theo Hợp đồng mua bán **khí** số 45/ĐLDKVN-PVG ký ngày **04/06/2008** với Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH

- Số lượng lao động (không bao gồm người quản lý) tại thời điểm 31/12/2019 của Công ty mẹ Tổng công ty là 1.191 người. Lao động bình quân thực hiện năm 2019 là 1.188,33 người.
- Mức lương bình quân của Người lao động Tổng công ty trong năm 2019 là: 26,13 triệu đồng/người/tháng.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp BHXH&BHYT cho CBCNV như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám chữa bệnh định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện AT-BHLĐ cho Người lao động.
- Kịp thời động viên, khuyến khích CBCNV nghỉ ngơi tái tạo sức lao động, nâng cao trình độ kiến thức văn hóa xã hội, góp phần làm phong phú thêm Văn hóa doanh nghiệp của Tổng công ty. Trong năm 2019, Tổng công ty đã triển khai chương trình tham quan, nghỉ mát cho CBCNV tại các địa điểm tại nước ngoài như: Nhật Bản, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Thái Lan, Hàn Quốc,...và các địa điểm trong nước như: Phú Quốc, Nha Trang, Quy Nhơn,...
- Năm 2019, Tổng công ty tiếp tục duy trì và tăng mức bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trách nhiệm cao... cho Người lao động.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc theo yêu cầu pháp luật, được đào tạo chuyên môn, an toàn định kỳ. Năm 2019, Tổng công ty đã đào tạo 3.022 lượt người với tổng kinh phí 6,867 tỷ đồng.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

CÁC RỦI RO AN TOÀN, MÔI TRƯỜNG

Các rủi ro an toàn, môi trường có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Các nhà máy điện đều có nguy cơ cháy nổ cao có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất của đơn vị. Các nhà máy điện của PVPower đều được trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ tự động hiện đại đồng thời mỗi nhà máy đều có đội PCCC chuyên ngành và xe chữa cháy với chế độ trực 24/24 luôn đảm bảo phòng tránh và sẵn sàng chữa cháy hiệu quả nhất.
- Các nhà máy điện của PVPower đều sử dụng công nghệ hiện đại, có hệ thống xử lý khí thải, nước thải được kiểm soát chặt chẽ, kết nối dữ liệu với Sở TNMT địa phương nên khả năng phát thải vượt tiêu chuẩn gây sự cố ô nhiễm môi trường là rất nhỏ.
- Nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng 1 có nguy cơ đầy bãi thải xỉ tràn tro xỉ ra biển gây ô nhiễm môi trường biển. Đây là nguy cơ rủi ro có thể khiến nhà máy dừng hoạt động. Ý thức được nguy cơ này, PVPower đã quyết liệt thực hiện các giải pháp để tiêu thụ tro xỉ phát sinh trong hoạt động thường xuyên của nhà máy cũng như tro xỉ tồn lưu tại bãi thải xỉ. Năm 2019 tỉ lệ tro xỉ tiêu thụ đã đạt 57% khối lượng phát sinh và đã bước đầu tiêu thụ được tro xỉ tại bãi thải xỉ. Hiện tại PVPower đang xây dựng phương án khai thác và tiêu thụ tro xỉ tại bãi thải xỉ với mục tiêu đưa mức tro xỉ lưu trữ tại bãi về ngưỡng an toàn, giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và đảm bảo cho nhà máy vận hành an toàn hiệu quả theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Theo kế hoạch năm 2020, PVPower sẽ chi 70 tỉ đồng cho việc tiêu thụ tro xỉ.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Bảo đảm các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của PV Power đáp ứng các quy định pháp luật và tiêu chuẩn môi trường liên quan. Bảo đảm tất cả các chỉ số phát thải không vượt quá quy định pháp luật cho phép.

CHƯƠNG TRÌNH NGẮN HẠN VỀ MÔI TRƯỜNG

Chương trình ngắn hạn:

- Tuân thủ chặt chẽ quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, quản trị tốt các rủi ro liên quan đến môi trường.
- Giảm phát thải khí nhà kính thông qua việc sử dụng nguyên nhiên liệu đầu vào tiết kiệm và hiệu quả.
- Kiểm soát chặt chẽ an toàn hóa chất, các chất thải, đặc biệt là những chất thải nguy hại tại các nhà máy điện.
- Đẩy mạnh thực hiện chương trình kiểm toán về môi trường.
- Duy trì thành công Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

CHƯƠNG TRÌNH DÀI HẠN VỀ MÔI TRƯỜNG

- Lựa chọn và sử dụng công nghệ cao, hiệu quả, thân thiện môi trường, công nghệ có độ tin cậy và an toàn cao, chú trọng xử lý chất thải phù hợp với điều kiện Việt Nam, tích cực tham gia cơ chế phát triển sạch (CDM).
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp sáng kiến phải được triển khai áp dụng nhanh chóng, hiệu quả. Tích cực triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
 Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Tổng công ty và các đơn vị thành viên luôn chủ động thực hiện các giải pháp tốt nhất để đảm bảo giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường. Cụ thể:

- **Khí thải:** các nhà máy khí điện sử dụng công nghệ đốt tiên tiến, khí thải luôn thấp hơn rất nhiều so với quy chuẩn. Nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng 1 cũng được trang bị hệ thống xử lý khí thải hiệu suất cao đảm bảo khí thải ra tại ống khói nhà máy luôn đạt quy chuẩn. Năm 2018, nhà máy Vũng Áng 1 thực hiện chuyển đổi nhiên liệu đốt kèm khởi động lò từ HFO sang DO giúp đưa hệ thống xử lý khí thải vào hoạt động ngay trong khi khởi động lò. Tất cả các ống khói thải của các nhà máy đều lắp đặt thiết bị quan trắc tự động liên tục, một số nhà máy đã kết nối trực tiếp dữ liệu với Sở TNMT địa phương.
- **Nước thải:** các nhà máy điện thuộc PVPower đều có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt, đảm bảo nước thải đầu ra luôn đạt quy chuẩn. Nước thải của các nhà máy được kiểm soát chất lượng chặt chẽ, trước khi xả ra môi trường có hệ thống quan trắc chất lượng và lưu lượng tự động liên tục kết nối dữ liệu với Sở TNMT địa phương.
- **Chất thải rắn:** Chất thải rắn thông thường cũng như chất thải nguy hại của các nhà máy đều được ký hợp đồng chuyển giao xử lý với các đơn vị đủ chức năng. Tro xỉ của NMNĐ Vũng Áng được chứng nhận hợp quy hợp chuẩn đủ điều kiện để được sử dụng sản xuất vật liệu xây dựng và đã được nhà máy chuyển giao cho các đơn vị tiêu thụ sản xuất vật liệu xây dựng như nhà máy xi măng, trạm trộn bê tông...
- **Các nghĩa vụ tài chính về môi trường:** các đơn vị thuộc PVPower luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về môi trường theo quy định pháp luật. Năm 2019, toàn Tổng công ty đã chi 217 tỉ đồng cho các chi phí công tác bảo vệ môi trường bao gồm phí khai thác, sử dụng nước mặt, phí dịch vụ môi trường rừng, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chi phí xử lý và thải bỏ chất thải, chi phí đầu tư mới thiết bị bảo vệ môi trường và nhiều chi phí khác.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Nước sạch tiêu thụ	m3	2.278.210
Nước mặt làm mát	m3	2.044.054.659
Tiêu thụ năng lượng (tỉ lệ điện tự dùng)		3,48%
Tổng lượng khí thải	triệu m3	131.421
Tổng lượng nước thải	m3	17.726.975
Chất thải rắn thông thường	tấn	992
Tro xỉ nhiệt điện than	tấn	775.700
Chất thải nguy hại	tấn	167

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Trong năm 2019, bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công tác an sinh xã hội luôn được PV Power chú trọng thực hiện. Công tác an sinh xã hội được Tổng công ty thực hiện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đã có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Cụ thể, Tổng công ty đã thực hiện tài trợ các công trình/chương trình về giáo dục - trường học tại các địa phương Nam Định, Nghệ An, Lạng Sơn, Ninh Phước, Hà Tĩnh, Quảng trị...; Trao sổ tiết kiệm cho các cựu Thanh niên xung phong là thương bệnh binh, mất sức, da cam có hoàn cảnh khó khăn tại Cần Thơ; Thực hiện các chương trình y tế bệnh viện nhằm hỗ trợ giảm tải các bệnh viện Bạch Mai, Nội tiết tại Hà Nội; Thực hiện các chương trình đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc, thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng, các hoạt động bảo trợ giúp đỡ phụ nữ, trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai cứu trợ nhân đạo... góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các địa phương, thúc đẩy sự phát triển của đất nước.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
(THÀNH LẬP TẠI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ trong năm đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch
Ông Lê Như Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quý	Thành viên
Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên
Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019)
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019)
Ông Vũ Huy An	Thành viên (Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 02 năm 2019)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Như Linh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Đại Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30 tháng 8 năm 2019)
Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 9 năm 2019)
Ông Hoàng Văn Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 9 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo tài chính và không so sánh được với số liệu báo cáo năm nay do không đồng nhất kỳ kế toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 06 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang chờ quyết định cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền về khoản tiền điện Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam giữ lại, chưa thanh toán cho Tổng Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (Công ty con của Tổng Công ty) đã đối chiếu với nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft ("Siemens") và thực hiện điều chỉnh giảm công nợ phải trả Siemens và hàng tồn kho tương ứng liên quan đến công tác bảo dưỡng các nhà máy điện.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.

Khúc Thị Lan Anh Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Công Cương Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3992-2017-001-1

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.075.192.778.306	15.251.081.151.956
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.083.277.330.894	3.185.329.931.901
1. Tiền	111		170.377.330.894	173.809.128.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.912.900.000.000	3.011.520.803.583
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	657.920.790.416	176.038.035.938
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		657.920.790.416	176.038.035.938
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.714.021.377.973	7.530.962.791.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.938.119.337.561	7.320.055.298.911
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	120.471.089.910	115.357.557.465
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	312.915.441.439	343.075.281.114
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(657.484.490.937)	(247.525.345.504)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.427.591.320.436	4.186.613.364.909
1. Hàng tồn kho	141		1.434.323.555.929	4.186.795.764.909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.732.235.493)	(182.400.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		192.381.958.587	172.137.027.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	29.273.621.756	39.209.633.649
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		161.053.278.815	132.500.096.856
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	2.055.058.016	427.296.717
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.620.509.755.655	42.860.348.445.729
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.022.294.619	41.591.339.201
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.268.440.794	1.268.440.794
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.753.853.825	40.322.898.407
II. Tài sản cố định	220		37.319.569.436.868	40.177.239.576.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	37.249.074.787.530	40.113.277.709.063
- Nguyên giá	222		69.502.840.902.510	69.293.799.627.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.253.766.114.980)	(29.180.521.918.750)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	70.494.649.338	63.961.867.419
- Nguyên giá	228		113.123.594.604	98.742.512.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.628.945.266)	(34.780.644.625)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	-	33.528.513
- Nguyên giá	231		17.545.622.940	17.545.622.940
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.545.622.940)	(17.512.094.427)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		217.166.328.196	377.538.888.628
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	217.166.328.196	377.538.888.628
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		982.538.690.891	936.917.037.288
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5	416.643.121.743	367.903.598.694
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	604.520.976.073	604.520.976.073
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(38.625.406.925)	(35.507.537.479)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.098.213.005.081	1.327.028.075.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	466.948.731.741	671.717.153.227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.937.045.171	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	16	618.325.227.296	639.372.102.109
4. Lợi thế thương mại	269		9.002.000.873	15.938.820.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.695.702.533.961	58.111.429.597.685
(270=100+200)				

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.186.388.222.756	31.296.044.641.920
I. Nợ ngắn hạn	310		17.063.695.864.858	17.570.678.653.190
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	4.201.761.470.833	5.900.467.676.009
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.791.330.544	16.462.104.003
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	297.110.517.686	298.541.103.387
4. Phải trả người lao động	314		175.278.868.740	139.706.914.562
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.608.992.390.404	2.018.072.932.291
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.255.138.330	617.551.080
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.327.867.877.294	2.403.293.790.705
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	9.157.536.870.815	6.554.398.505.035
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	148.406.550.954	143.181.837.310
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		124.694.849.258	95.936.238.808
II. Nợ dài hạn	330		9.122.692.357.898	13.725.365.988.730
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	971.515.195	759.840.195
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	8.394.084.458.923	13.303.846.087.570
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	595.987.979.917	251.593.468.605
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	23	131.648.403.863	169.166.592.360
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.509.314.311.205	26.815.384.955.765
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	29.509.314.311.205	26.815.384.955.765
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(274.807.025)	(311.254.328)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		227.887.397.807	227.887.397.807
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(191.305.728.000)	(191.305.728.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		780.958.252.480	192.215.107.853
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.650.694.553.578	859.274.196.129
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		808.666.342.566	542.515.585.296
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/kỳ này	421b		1.842.028.211.012	316.758.610.833
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.622.638.642.365	2.308.909.236.304
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.695.702.533.961	58.111.429.597.685
(440=300+400)				

Quách Thị Hồng Liên
Người lập

Chu Quang Toàn
Phụ trách kế toán

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	35.374.268.090.529	14.835.199.327.861
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		35.374.268.090.529	14.835.199.327.861
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	28	30.236.634.203.496	13.075.124.797.360
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.137.633.887.033	1.760.074.530.501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	453.447.173.083	243.410.811.255
7. Chi phí tài chính	22	31	1.323.606.244.635	1.031.822.777.468
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.154.051.870.401	661.190.866.665
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		52.036.013.536	40.604.496.676
9. Chi phí bán hàng	25	32	27.018.625.533	10.839.566.997
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.176.430.753.504	358.522.593.396
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		3.116.061.449.980	642.904.900.571
12. Thu nhập khác	31	33	68.255.684.564	17.739.038.522
13. Chi phí khác	32	34	19.279.357.902	5.537.884.662
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		48.976.326.662	12.201.153.860
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.165.037.776.642	655.106.054.431
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	35	314.086.018.090	79.660.985.050
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.937.045.171)	250.816.922
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.854.888.803.723	575.194.252.459
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.509.695.587.374	431.441.727.122
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		345.193.216.349	143.752.525.337
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.028	174

Quách Thị Hồng Liên
Người lập

Chu Quang Toàn
Phụ trách kế toán

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.165.037.776.642	655.106.054.431
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.131.855.859.595	1.906.127.430.872
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	769.246.075.328	(259.050.178.863)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	(30.361.834.569)	122.697.627.971
Chi phí lãi vay	05	(305.807.267.252)	(133.047.575.498)
Các khoản điều chỉnh khác	06	1.154.051.870.401	661.190.866.665
	07	-	(35.729.056.847)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.884.022.480.145	2.917.295.168.731
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.534.763.734.128)	1.786.558.328.746
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.773.519.083.793	(408.246.861.610)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.374.624.744.532)	(1.108.562.414.571)
Thay đổi chi phí trả trước	12	214.704.433.379	46.639.033.733
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.203.196.728.897)	(684.950.702.336)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(325.563.541.380)	(56.060.259.658)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(111.518.794.158)	(25.116.323.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.322.578.454.222	2.467.555.969.763
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(187.473.764.505)	(154.905.148.181)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	(3.710.535.635)	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(895.850.346.482)	(173.334.184.152)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	286.094.491.044	124.987.209.584
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	80.847.627.911	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	297.985.233.991	531.339.078.058
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(422.107.293.676)	328.086.955.309

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.085.950.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	12.946.811.016.850	3.856.450.702.934
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.200.725.040.838)	(9.248.603.856.655)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(750.693.717.584)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.002.521.791.572)	(5.392.153.153.721)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	1.897.949.368.974	(2.596.510.228.649)
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	3.185.329.931.901	5.781.844.937.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.969.981)	(4.777.314)
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60+61)	70	5.083.277.330.894	3.185.329.931.901

Quách Thị Hồng Liên
Người lập

Chu Quang Toàn
Phụ trách kế toán

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 1795/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty). Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (thay đổi lần thứ 14) ngày 06 tháng 12 năm 2018.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và chính thức giao dịch từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 với mã chứng khoán là POW.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.237 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.376).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

Sản xuất điện năng; Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Quản lý, vận hành các nhà máy điện; Dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp; Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Cung cấp dịch vụ quản lý cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện; Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế; Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; Cung cấp giải pháp giảm phát khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; Xuất nhập khẩu năng lượng,

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 tỉnh Cà Mau, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tỉnh Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy Thủy điện Hủa Na tỉnh Nghệ An và Nhà máy Thủy điện Đakđrinh tỉnh Quảng Ngãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần - Công ty cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	Nghệ An	84,14%	84,14%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Đồng Nai	59,37%	59,37%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	Quảng Ngãi	95,27%	95,27%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	Hà Nội	51,58%	51,58%	Thương mại
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	30,72%	30,72%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Hồng	Yên Bái	44,07%	44,07%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Hà Nội	17,84%	34,58%	Thương mại

Tăng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án mua thêm 13.723.480 cổ phần bằng tiền trong tổng số 13.932.075 cổ phần được chào bán thành công tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh. Ngày 15 tháng 02 năm 2019, Tổng Công ty đã góp vốn bằng tiền vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh với số tiền 137.234.800.000 VND, tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh từ 94,83% lên 95,27% vốn điều lệ.

Thoái vốn tại Công ty Điện lực Dầu khí Bắc Kạn

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn. Theo đó, ngày 15 tháng 10 năm 2019, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Điện lực Dầu khí Bắc Kạn với giá trị chuyển nhượng là 88.765.240.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng với số tiền 8.072.098.394 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo tài chính và không so sánh được với số liệu năm nay do không đồng nhất kỳ kế toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của

tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công

ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã

hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	5 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà xưởng và vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	4
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì, bảo dưỡng theo hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện, trả trước tiền thuê văn phòng, tiền thuê đất, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí tài sản lưu động khác phục vụ các nhà máy điện và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn thuê trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch bán điện được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 47121000093 ngày 28 tháng 12 năm 2007, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 (thuộc Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch) được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% lợi nhuận thu được trong thời

hạn 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 22% trong những năm tiếp theo (thuế suất thuế thu nhập hiện hành năm 2018 là 20%). Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Từ ngày 01 tháng 8 năm 2008, Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch được sáp nhập vào Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là "Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần") và chuyển thành đơn vị hạch toán phụ thuộc. Năm 2014 là năm cuối cùng Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 nên trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty không tính ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án này.

Đối với dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2, theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 61101000098 ngày 31 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được miễn trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm cuối cùng Tổng Công ty áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2.

Đối với dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/KKT ngày 12 tháng 02 năm 2008 (ban hành cùng Giấy Chứng nhận đầu tư số 28221000009 ngày 12 tháng 02 năm 2008) do Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được hưởng mức 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Khi dự án hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động sẽ trình Thủ tướng Chính phủ cho hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Năm 2019 là năm thứ ba dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Đối với Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo. NT2 được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm thứ năm NT2 áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (HHC - Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên HHC có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện Đakđrinh, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 34121000029 ngày 25 tháng 6 năm 2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh (Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (nay được thay thế bởi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013).

Các công ty con khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.422.168.447	3.967.380.235
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	167.955.162.447	169.841.748.083
Các khoản tương đương tiền	4.912.900.000.000	3.011.520.803.583
	5.083.277.330.894	3.185.329.931.901

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm 30.813.862.901 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 31.025.410.732 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	657.920.790.416	657.920.790.416	176.038.035.938	176.038.035.938
	657.920.790.416	657.920.790.416	176.038.035.938	176.038.035.938

(*) Phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và không quá 12 tháng.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

b1. Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	30,72	30,72	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	44,07	44,07	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Hà Nội	17,84	34,58	Thương mại

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	375.973.337.059	329.446.627.579
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	40.669.784.684	38.011.459.896
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	-	445.511.219
	416.643.121.743	367.903.598.694

Chi tiết điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Giá gốc VND	Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	302.295.301.000	73.678.036.059	375.973.337.059
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	32.887.500.000	7.782.284.684	40.669.784.684
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	574.532.035	(574.532.035)	-
	335.757.333.035	80.885.788.708	416.643.121.743

b2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	320.049.656.500	-	320.049.656.500	-
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Showa Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	29.341.800.000	-	29.341.800.000	144.719.609
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	28.800.000.000	-	28.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	18.202.000.000	18.202.000.000	18.202.000.000	18.202.000.000
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	11.140.000.000	11.140.000.000	11.140.000.000	11.140.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	1.387.267.072	3.621.000.000	1.281.663.209
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	2.016.000.000	2.016.000.000	2.016.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà Sông Đà	1.228.800.000	1.228.800.000	1.228.800.000	1.228.800.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí	1.000.000.000	260.237.063	1.000.000.000	263.770.062
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	841.102.790	841.102.790	841.102.790	680.584.599
Công ty Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
	604.520.976.073	38.625.406.925	604.520.976.073	35.507.537.479

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.856.454.362.065	7.277.119.504.327
Công ty Mua bán điện	8.537.478.805.717	6.911.361.745.537
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam(*)		
Các khách hàng khác	318.975.556.348	365.757.758.790
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	81.664.975.496	42.935.794.584
(Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	81.664.975.496	42.935.794.584
	8.938.119.337.561	7.320.055.298.911

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư phải thu tiền điện Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EPTC”) bao gồm các khoản tiền điện EPTC chưa thanh toán cho Tổng Công ty chủ yếu như sau:

- Đối với Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2: Số dư tiền điện EPTC giữ lại do chưa thống nhất về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện trong Hợp đồng mua bán điện từ tháng 02 năm 2018 của Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2 là khoảng 1.354 tỷ VND.
- Đối với Nhà máy Điện Vũng Áng 1: Do chưa có hồ sơ quyết toán vốn đầu tư Nhà máy điện Vũng

Áng 1 để điều chỉnh giá điện, EPTC đã giữ lại 20% giá cố định từ tháng 3 năm 2019 là khoảng 414 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ tiền điện EPTC giữ lại với số tiền là 403 tỷ VND. Tổng Công ty đã làm việc với EPTC, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đang chờ quyết định cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền về các khoản tiền điện nêu trên.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	112.352.740.696	111.018.809.230
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	9.825.643.169	9.546.256.592
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	7.082.694.099	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	7.045.317.471
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	6.570.785.550	6.570.785.550
Công ty TNHH 45	4.593.493.781	6.076.283.396
Công ty TNHH Đại Hiệp	3.419.663.484	5.068.743.968
Các đối tượng khác	73.815.143.142	76.711.422.253
b. Trả trước cho các bên liên quan	8.118.349.214	4.338.748.235
(Chi tiết tại Thuyết minh số 38)		
	120.471.089.910	115.357.557.465

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	218.489.976.676	218.489.976.676
Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii)	20.217.829.253	44.717.292.306
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	15.831.338.020	11.880.626.311
Phải thu ngắn hạn khác	58.376.297.490	67.987.385.821
	312.915.441.439	343.075.281.114
Trong đó:		
Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan	241.404.961.831	264.052.370.087
(Chi tiết tại Thuyết minh số 38)		
b. Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	-	38.569.044.582
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.753.853.825	1.753.853.825
	1.753.853.825	40.322.898.407

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 218.489.976.676 VND phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sân phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sân phân phối 500kV mà Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là “Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần”) tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(ii) Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 20.217.829.253 VND chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1 và chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	VND Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Dự phòng	VND Giá trị có thể thu hồi được
Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi						
Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.778.564.346.353	403.358.636.269	1.375.205.710.084	10.615.012.421	5.307.506.211	5.307.506.210
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)						
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân	96.856.865.496	96.856.865.496	-	96.856.865.496	96.856.865.496	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina	33.627.654.160	33.627.654.160	-	33.627.654.160	33.627.654.160	-
Công ty TNHH Thành Đức	20.094.119.114	20.094.119.114	-	20.394.119.114	20.394.119.114	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	15.381.516.087	15.381.516.087	-	15.381.516.087	15.381.516.087	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện	8.179.082.781	8.179.082.781	-	8.179.082.781	7.866.427.035	312.655.746
Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu D&T	7.185.149.669	7.185.149.669	-	15.485.149.669	13.285.149.669	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	7.045.317.471	-	7.045.317.471	6.646.026.471	399.291.000
Các đối tượng khác	66.867.484.975	65.756.149.890	1.111.335.085	48.178.581.261	48.160.081.261	18.500.000
	2.033.801.536.106	657.484.490.937	1.376.317.045.169	255.763.298.460	247.525.345.504	8.237.952.956

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.322.933.331.123	(1.483.969.378)	2.072.523.380.756	-
Công cụ, dụng cụ	2.121.689.818	-	5.958.008.929	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.863.104.496	-	2.049.453.132.965	-
Hàng hóa	65.405.430.492	(5.248.266.115)	58.861.242.259	(182.400.000)
	1.434.323.555.929	(6.732.235.493)	4.186.795.764.909	(182.400.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPS – Công ty con của Tổng Công ty) đã thực hiện điều chỉnh giảm hàng tồn kho tương ứng với công nợ phải trả Siemens Aktiengesellschaft (xem Thuyết minh số 17).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2	9.452.020.932	1.836.722.986
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và	9.038.057.187	1.281.480.001
Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	7.825.428.041	32.059.011.649
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.958.115.596	4.032.419.013
	29.273.621.756	39.209.633.649
b. Dài hạn		
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị (i)	114.477.558.023	144.651.073.201
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng (ii)	91.200.943.015	155.588.455.977
Tiền thuê đất	65.212.773.116	49.538.176.473
Chi phí đại tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ	36.738.443.719	87.396.512.987
Lợi thế kinh doanh	28.542.933.921	28.542.933.921
Chi phí thuê văn phòng	27.479.101.674	30.731.117.208
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng hợp đồng O&M (iii)	13.173.284.964	65.866.424.988
Chi phí trả trước dài hạn khác	90.123.693.309	109.402.458.472
	466.948.731.741	671.717.153.227

(i) Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: theo hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn giữa NT2 và các nhà thầu cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH. Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

(ii) Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 - Công ty con của Tổng Công ty) và các ngân hàng tài trợ do Ngân hàng Citibank làm đại lý, phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí sửa chữa bảo dưỡng Hợp đồng O&M phản ánh số tiền thanh toán phí huy động cho nhà thầu nước ngoài và giá trị còn lại của Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” chưa phân bổ vào chi phí sửa chữa bảo dưỡng Hợp đồng O&M Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 với số tiền lần lượt là 11.882.168.411 VND và 1.291.116.553 VND. Phí huy động và Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” này được phân bổ vào chi phí theo giá trị hợp đồng tương ứng với thời gian quy đổi 100.000 EOH.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	54.263.349.359	44.479.162.685	98.742.512.044
Tăng trong năm	1.829.963.798	6.976.030.842	8.805.994.640
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	5.575.087.920	5.575.087.920
Số dư cuối năm	56.093.313.157	57.030.281.447	113.123.594.604
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	870.657.764	33.909.986.861	34.780.644.625
Khấu hao trong năm	590.097.898	7.258.202.743	7.848.300.641
Số dư cuối năm	1.460.755.662	41.168.189.604	42.628.945.266
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	53.392.691.595	10.569.175.824	63.961.867.419
Tại ngày cuối năm	54.632.557.495	15.862.091.843	70.494.649.338

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 20.294.946.167 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019: 13.862.654.587 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	7.779.542.940	9.732.551.487	17.512.094.427
Trích khấu hao trong năm	-	33.528.513	33.528.513
Số cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	33.528.513	33.528.513
Số cuối năm	-	-	-

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Số đầu năm/kỳ	377.538.888.628	373.391.066.778
Phát sinh trong năm/kỳ	335.839.014.515	299.635.481.103
Kết chuyển sang tài sản cố định	(283.973.174.578)	(105.113.411.391)
Ghi nhận vào chi phí	(203.132.369.530)	(190.374.247.862)
Giảm khác	(9.106.030.839)	-
Số cuối năm/kỳ	217.166.328.196	377.538.888.628

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	17.993.918.181.199	48.710.360.123.696	322.308.071.656	142.038.525.823	2.125.174.725.439	69.293.799.627.813
Tăng trong năm	1.870.519.271	9.108.949.089	22.575.448.727	26.430.303.964	251.576.534	60.236.797.585
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	258.019.591.281	14.591.050.476	-	5.787.444.901	-	278.398.086.658
Thanh lý, nhượng bán	(93.456.255)	(1.802.917.371)	(9.514.593.508)	(2.360.402.167)	-	(13.771.369.301)
Giảm do thanh lý	(74.388.661.997)	(17.286.569.429)	(19.498.694.403)	-	-	(111.173.925.829)
công ty con	-	-	-	(91.630.000)	91.630.000	-
Phần loại lại	(4.595.838.387)	-	-	(52.476.029)	-	(4.648.314.416)
Số dư cuối năm	18.174.730.335.112	48.714.970.636.461	315.870.232.472	171.751.766.492	2.125.517.931.973	69.502.840.902.510
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	4.628.769.412.091	23.929.945.032.417	252.001.501.554	103.982.970.431	265.823.002.257	29.180.521.918.750
Khấu hao trong năm	788.203.764.654	2.215.530.181.014	15.441.603.340	16.113.228.022	88.685.253.411	3.123.974.030.441
Giảm do thanh lý	(18.143.176.316)	(9.574.514.561)	(10.064.175.055)	-	-	(37.781.865.932)
Công ty con	(93.456.255)	(1.746.380.072)	(9.514.593.508)	(2.360.402.167)	-	(13.714.832.002)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(91.630.000)	91.630.000	-
Phần loại lại	271.056.960	448.341.000	-	47.465.763	-	766.863.723
Tăng khác	5.399.007.601.134	26.134.602.659.798	247.864.336.331	117.691.632.049	354.599.885.668	32.253.766.114.980
Số dư cuối năm	13.365.148.769.108	24.780.415.091.279	70.306.570.102	38.055.555.392	1.859.351.723.182	40.113.277.709.063
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	12.775.722.733.978	22.580.367.976.663	68.005.896.141	54.060.134.443	1.770.918.046.305	37.249.074.787.530

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.628.391.547.460 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2028: 10.598.650.237.064 VND).

Tổng Công ty đã thể chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ các dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na (Công ty con của Tổng Công ty) và một số tài sản cố định hữu hình tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (Công ty con của Tổng Công ty) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Thủy điện Luang Prabang (*)	131.564.171.361	131.564.171.361
Dự án Tiểu khu 2	25.703.457.197	25.609.491.717
Nhà máy Thủy điện Hủa Na	15.623.650.289	188.986.007.554
Các dự án khác	44.275.049.349	31.379.217.996
	217.166.328.196	377.538.888.628

(*) Ngày 22 tháng 10 năm 2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào đã cấp Giấy phép kinh doanh số 047-18 thành lập Công ty TNHH Điện lực Luang Prabang với số vốn điều lệ ban đầu là 1.000.000 USD, trong đó Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần nắm giữ 38%. Dự án Nhà máy Thủy điện Luang Prabang đang được Tổng Công ty cùng với đối tác Lào thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển giao chi phí đầu tư thành khoản góp vốn và tiếp tục các công việc trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án.

16. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 1, Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.039.460.744.118	1.039.460.744.118	3.894.482.328.747	3.894.482.328.747
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	190.954.869.801	190.954.869.801	322.515.111.660	322.515.111.660
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	98.070.776.390	98.070.776.390	105.028.573.670	105.028.573.670
Tổng Công ty Sông Đà	46.480.885.494	46.480.885.494	46.480.885.494	46.480.885.494
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.026.382.739	20.026.382.739	20.226.382.739	20.226.382.739
Siemens Aktiengesellschaft (i)	4.965.879.145	4.965.879.145	2.483.148.580.687	2.483.148.580.687
Các nhà cung cấp khác	678.961.950.549	678.961.950.549	917.082.794.497	917.082.794.497
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	3.162.300.726.715	3.162.300.726.715	2.005.985.347.262	2.005.985.347.262
	4.201.761.470.833	4.201.761.470.833	5.900.467.676.009	5.900.467.676.009

(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPS – Công ty con của Tổng Công ty) đã đối chiếu với nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft (“Siemens”) và Siemens xác nhận việc chuyển giao chủ thể hợp đồng đã hoàn tất và không còn quyền và nghĩa vụ cũng như số dư công nợ liên quan đến PVPS tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Siemens cũng xác nhận toàn bộ vật tư, thiết bị nhập khẩu bởi PVPS theo hợp đồng được Siemens tiếp tục sử dụng để thực hiện nghĩa vụ sửa chữa theo hợp đồng bảo dưỡng dài hạn. Theo đó, PVPS thực hiện điều chỉnh giảm công nợ phải trả Siemens Aktiengesellschaft và hàng tồn kho tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền là 2.481 tỷ VND.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /bù trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm do thanh lý Công ty con	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.305.353.684	-	1.305.353.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	290.872.501	-	-	147.025.010	143.847.491
Thuế thu nhập cá nhân	424.216	-	3.511.156	-	3.935.372
Các khoản thuế khác	136.000.000	4.842.179.673	5.308.101.142	-	601.921.469
	427.296.717	4.842.179.673	6.616.965.982	147.025.010	2.055.058.016
b. Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	159.686.311.661	894.678.295.857	867.771.697.419	409.274.085	186.183.636.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.091.976.866	314.086.018.090	325.563.541.380	-	75.614.453.576
Thuế tài nguyên	6.319.926.121	186.117.383.081	184.251.736.523	189.317.377	7.996.255.302
Thuế thu nhập cá nhân	9.765.423.722	41.563.292.109	44.033.380.567	9.811.998	7.285.523.266
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.625.593.348	2.625.593.348	-	-
Các khoản thuế, phí khác	35.677.465.017	86.348.396.661	101.995.212.150	-	20.030.649.528
	298.541.103.387	1.525.418.979.146	1.526.241.161.387	608.403.460	297.110.517.686

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí tiền khí (i)	1.271.905.524.357	1.625.768.336.249
Chi phí lãi vay (ii)	180.622.674.559	229.489.453.552
Chi phí bảo trì, sửa chữa (iii)	101.132.817.561	98.206.209.042
Thuế, phí cho các khoản vay	14.173.914.211	14.084.234.622
Tiền điện, nước vận hành nhà máy	5.670.873.967	18.758.882.173
Chi phí phải trả khác	35.486.585.749	31.765.816.653
	1.608.992.390.404	2.018.072.932.291

(i) Chi phí tiền khí được Tổng Công ty trích trước theo các hợp đồng mua khí cho Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 1 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn.

(ii) Chi phí lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh lãi của các hợp đồng tín dụng tài trợ cho các dự án nhà máy điện của Tổng Công ty.

(iii) Chi phí bảo trì, sửa chữa được Tổng Công ty trích trước theo các hợp đồng bảo trì, sửa chữa cho Nhà máy Điện Nhon Trạch 2, Nhà máy Thủy điện Hủa Na và Nhà máy Thủy điện Đăkđrinh.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	1.214.416.466.738	2.130.275.290.623
Phải trả cổ tức cho cổ đông	20.179.398.740	123.131.263.143
Thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, thuế và lệ phí bảo vệ môi trường rừng	15.341.783.194	12.014.567.300
Phải trả về cổ phần hóa	7.354.964.525	17.001.027.885
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	22.798.636.733
Phải trả ngắn hạn khác	70.575.264.097	98.073.005.021
	1.327.867.877.294	2.403.293.790.705
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 38)	1.215.094.466.834	2.153.073.927.356
b. Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	971.515.195	759.840.195
	971.515.195	759.840.195

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phản ánh lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2018 phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đô la Mỹ, Euro và Đồng Việt Nam để phục vụ đầu tư các dự án xây dựng và nâng cấp các nhà máy điện của Tổng Công ty.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng Đô la Mỹ	8.537.310.180.393	13.153.605.544.516
Vay bằng Việt Nam Đồng	4.291.700.564.722	4.674.916.186.180
Vay bằng Euro	768.957.756.195	1.323.741.346.009
	13.597.968.501.310	19.152.263.076.705

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo lãnh của bên thứ ba	9.306.267.936.588	14.477.346.890.525
Tín chấp	2.077.809.512.605	2.589.252.998.778
Bảo đảm bằng tài sản	2.213.891.052.117	2.085.663.187.402
	13.597.968.501.310	19.152.263.076.705

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay theo lãi suất thả nổi	12.222.130.213.322	16.013.912.915.284
Vay theo lãi suất cố định	1.375.838.287.988	3.138.350.161.421
	13.597.968.501.310	19.152.263.076.705

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	5.203.884.042.387	5.848.416.989.135
Trong năm thứ hai	3.364.915.349.397	5.328.055.720.904
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.756.323.516.405	6.098.021.300.554
Sau năm năm	1.272.845.593.121	1.877.769.066.111
	13.597.968.501.310	19.152.263.076.705

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	5.203.884.042.387	5.848.416.989.135
Số phải trả sau 12 tháng	8.394.084.458.923	13.303.846.087.570

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Năm nay VND	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Số đầu năm/kỳ	394.775.305.915	687.508.734.536
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm/kỳ (Hoàn nhập) dự phòng	1.107.956.002.596	440.537.753.260
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(758.336.777.640)	(25.953.157.856)
Số cuối năm/kỳ	744.394.530.871	707.318.024.025

Chi tiết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	148.406.550.954	143.181.837.310
Dự phòng phải trả dài hạn	595.987.979.917	251.593.468.605
	744.394.530.871	394.775.305.915

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1:

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 được xác định theo Hợp đồng về "Công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 trong giai đoạn 100.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên" giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Chi phí bảo trì, sửa chữa trích trước của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 được xác định là chi phí kỳ thanh tra C của Hợp đồng số 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 tháng 8 năm 2010 về bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Chi phí bảo trì, sửa chữa trích trước của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được xác định theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐLKD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện phạm vi công việc và tổng dự toán chi phí cho công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2020 và 2021.

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty trong Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	128.733.156.808	128.733.156.808
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.922.822.159	1.992.669.655
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	992.424.896	38.440.765.897
	131.648.403.863	169.166.592.360

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 23.418.716.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày cuối năm		Vốn đã góp tại ngày đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.721.414.770.000	79,94%	18.721.414.770.000	79,94%	18.721.414.770.000	79,94%
Các cổ đông khác	4.697.301.230.000	20,06%	4.697.301.230.000	20,06%	4.697.301.230.000	20,06%
	23.418.716.000.000	100%	23.418.716.000.000	100%	23.418.716.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.341.871.600	2.341.871.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.341.871.600	2.341.871.600

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	9.541,76	9.942,80
Đồng Euro (EUR)	1.816,43	1.886,15

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng và xây dựng các dự án điện độc lập. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng và xây dựng các dự án điện độc lập. Theo đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 27 và số 28.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Các nhà máy sản xuất điện và các khách hàng mua điện của Tổng Công ty đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu									
Tại ngày 01 tháng 7 năm 2018	23.418.716.000.000	(311.254.328)	(85.859.153.505)	227.887.397.807	(191.305.728.000)	100.859.785.533	542.515.585.296	2.270.246.683.341	26.282.749.316.144
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	431.441.727.122	143.752.525.337	575.194.252.459
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	91.353.654.181	(105.195.662.665)	-	(13.842.008.484)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(105.254.954.100)	(105.254.954.100)
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh	-	-	85.859.153.505	-	-	-	-	-	85.859.153.505
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	1.668.139	(9.487.453.624)	164.981.726	(9.320.803.759)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	23.418.716.000.000	(311.254.328)	-	227.887.397.807	(191.305.728.000)	192.215.107.853	859.274.196.129	2.308.909.236.304	26.815.384.955.765
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	2.509.695.587.374	345.193.216.349	2.854.888.803.723
Chiết quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thường viên chức quản lý 2018	-	-	-	-	-	-	(23.438.512.023)	(13.008.563.265)	(36.447.075.288)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thường viên chức quản lý 2019	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	(103.368.337.102)	-	(103.368.337.102)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(588.792.553.702)	-	-
Thay đổi do thoái vốn từ Công ty con	-	36.447.479	-	-	-	-	-	(13.557.633.542)	(13.557.633.542)
Tăng do đầu tư thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	13.404.773	(4.492.303.006)	(4.492.303.005)
Tăng/(Giảm) khác	-	(176)	-	-	-	443.176	1.136.102.021	(1.136.102.021)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	23.418.716.000.000	(274.807.025)	-	227.887.397.807	(191.305.728.000)	780.958.252.480	2.650.694.553.578	2.622.638.642.665	29.509.314.311.205

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Doanh thu bán điện	33.702.774.866.897	14.224.788.659.732
Doanh thu bán hàng hóa	1.590.204.952.264	586.839.527.118
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.630.220.299	22.697.635.866
Doanh thu hợp đồng xây lắp	15.658.051.069	873.505.145
	35.374.268.090.529	14.835.199.327.861
Doanh thu với các bên liên quan (trình bày ở Thuyết minh số 38)	231.715.297.107	107.977.891.469

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Giá vốn bán điện	28.586.608.252.133	12.472.746.055.465
Giá vốn bán hàng hóa	1.596.360.423.859	581.632.267.666
Giá vốn dịch vụ	38.295.914.425	19.808.885.872
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	15.369.613.079	937.588.357
	30.236.634.203.496	13.075.124.797.360

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.888.263.440.557	9.353.786.552.172
Chi phí nhân công	781.389.245.649	320.417.378.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	3.131.855.859.595	1.906.127.430.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.549.101.927.895	1.051.392.818.696
Chi phí khác bằng tiền	1.379.143.155.784	197.678.240.270
	29.729.753.629.480	12.829.402.420.805

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	222.506.141.729	126.057.575.498
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	92.948.106.335	93.825.118.244
Cổ tức, lợi nhuận được chia	80.930.213.732	6.990.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	39.133.552.835	16.538.117.513
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.929.158.452	-
	453.447.173.083	243.410.811.255

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.154.051.870.401	661.190.866.665
Phí bảo hiểm khoản vay	110.840.319.998	44.143.260.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	21.972.195.425	46.990.293.706
Phí bảo lãnh khoản vay	13.025.915.265	26.902.292.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	8.771.718.266	139.235.745.484
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	3.117.869.446	21.024.399.291
Chênh lệch tỷ giá chuyển sang công ty cổ phần	-	85.859.153.505
Chi phí hoạt động tài chính khác	11.826.355.834	6.476.765.870
	1.323.606.244.635	1.031.822.777.468

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm/kỳ		
Chi phí nhân công	352.185.827.389	134.996.138.191
Chi phí khấu hao	38.272.453.984	17.113.279.829
Chi phí vật liệu quản lý	28.380.242.831	14.190.068.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.020.832.710	87.291.948.453
Các khoản dự phòng	409.559.854.433	13.120.400.110
Chi phí quản lý khác	242.011.542.157	91.810.758.210
	1.176.430.753.504	358.522.593.396
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm/kỳ		
Chi phí nhân công	13.020.322.722	3.736.967.927
Chi phí khấu hao	631.004.031	132.938.274
Chi phí vật liệu bán hàng	160.839.396	24.214.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.206.459.384	6.945.446.094
	27.018.625.533	10.839.566.997

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	37.000.000.000	-
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	17.196.055.954	-
Thu từ thanh lý tài sản	2.536.986.542	-
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.490.227.673	1.718.068.517
Thu nhập khác	10.032.414.395	16.020.970.005
	68.255.684.564	17.739.038.522

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	7.196.763.000	-
Chi phí bồi thường, chi phí phạt	1.588.170.234	1.265.041.067
Chi phí duyệt dừng thực hiện dự án	1.406.363.636	-
Thanh lý tài sản cố định	166.074.751	18.488.000
Chi phí khác	8.921.986.281	4.254.355.595
	19.279.357.902	5.537.884.662

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh điện	309.073.243.541	75.127.780.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	5.012.774.549	4.533.204.164
	314.086.018.090	79.660.985.050

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chi tiết như sau:

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018 (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm/kỳ phân bổ cho các cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.509.695.587.374	431.441.727.122
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(103.368.337.102)	(23.438.512.023)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.406.327.250.272	408.003.215.099
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.341.871.600	2.341.871.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.028	174

(*) Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được tạm trích theo các Nghị quyết và Quyết định của Tổng Công ty và các Công ty con về phương án tạm phân phối lợi nhuận năm 2019.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được Tổng Công ty điều chỉnh lại theo các Nghị quyết và Quyết định của Tổng Công ty và các Công ty con về việc phân phối lợi nhuận của giai đoạn này. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại là 174 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày ở báo cáo kỳ trước là 184 đồng/cổ phiếu).

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 do Tổng Công ty là chủ đầu tư. Công suất dự kiến của mỗi nhà máy là khoảng từ 650 MW đến 880 MW với công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp, cấu hình đa trục hoặc đơn trục. Tổng mức đầu tư sơ bộ của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 lần lượt là 16.228 tỷ VND và 16.266 tỷ VND, nguồn vốn dự kiến là 30% vốn chủ sở hữu và 70% vốn vay. Thời gian vận hành dự kiến của Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 là năm 2022 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 là năm 2023. Giá bán điện được xây dựng trên nguyên tắc chuyển ngang chi phí nhiên liệu khí từ Hợp đồng mua bán khí sang Hợp đồng mua bán điện tại Văn bản số 03/TB-VPCP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam ký kết “Hợp đồng khung cung cấp và tiêu thụ LNG cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4”. Theo đó, lượng khí năm hợp đồng dự kiến cho mỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là khoảng 850 triệu m3 khí/năm tương đương với 0,58 triệu tấn LPG. Khối lượng khí chính thức sẽ được xác định chính xác trong giai đoạn sau và sẽ được quy định chi tiết trong Hợp đồng Mua bán Khí.

38. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong năm/kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Bán hàng	231.715.297.107	107.977.891.469
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	231.715.297.107	107.580.232.718
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	328.522.389
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	69.136.362
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.535.099.616.124	8.223.368.196.607
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.800.085.720.621	3.487.510.646.634
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.537.729.629.023	4.690.411.088.690
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	127.174.474.466	23.349.417.626
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	23.795.113.835	964.183.900
Viện Dầu khí Việt Nam	17.367.165.883	10.481.560.451
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	15.106.268.079	4.181.541.350
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	13.841.244.217	4.923.552.211
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	1.546.205.745
Chi phí lãi vay	154.881.090.420	83.021.642.146
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	154.881.090.420	83.021.642.146
Lãi tiền gửi	26.795.974.785	2.008.428.771
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	26.795.974.785	2.008.428.771
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	19.200.065.882	8.029.704.037

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.091.845.659.716	9.962.167.458
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.091.845.659.716	9.962.167.458
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	81.664.975.496	42.935.794.584
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	80.176.252.657	41.414.975.677
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.111.335.085	1.111.335.085
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	332.592.435	332.592.435
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	32.120.319	64.216.387
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	12.675.000	12.675.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.118.349.214	4.338.748.235
Viện Dầu khí Việt Nam	5.885.000.000	-
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	2.233.349.214	1.621.810.598
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	2.686.937.637
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	30.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	241.404.961.831	264.052.370.087
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	218.489.976.676	218.489.976.676
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	20.217.829.253	44.717.292.306
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.852.054.797	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	845.101.105	845.101.105
Phải trả người bán ngắn hạn	3.162.300.726.715	2.005.985.347.262
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.745.152.899.973	1.356.822.881.228
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	370.302.127.151	639.274.563.146
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	39.167.619.412	1.957.515.750
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	4.562.003.160	1.074.684.798
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.712.229.647	2.055.281.134
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	454.403.426	454.403.426
Viện Dầu khí Việt Nam	460.091.826	391.789.938
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	298.545.060	1.225.253.165
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	150.367.060	-
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam PV EIC	15.840.000	922.628.757
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	13.100.000	105.519.600
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	11.500.000	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	1.700.826.320

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước	1.962.903.000	1.709.635.299
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	1.962.903.000	1.709.635.299
Chi phí phải trả	1.271.905.524.357	1.625.768.336.249
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.271.905.524.357	1.625.768.336.249
Phải trả khác	1.215.094.466.834	2.153.073.927.356
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.214.416.466.738	2.130.275.290.623
Công ty cổ phần Dầu Nhờn PV OIL Lube	678.000.096	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	22.798.636.733
Vay	1.615.597.777.691	1.792.457.886.425
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.615.597.777.691	1.792.457.886.425

Quách Thị Hồng Liên
Người lập

Chu Quang Toàn
Phụ trách kế toán

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2020